

THANH-NGH!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|--|---------------------|
| — Nghĩa xuất xứ | PHAN QUÂN ✕ |
| — Trò Lưu Bình Dương Lễ | NG. XUÂN KHOÁT |
| — Xã hội Việt-nam từ thế kỷ thứ
XVII | NG. TRỌNG PHẤN |
| — Nguồn gốc văn Kiều | HOÀNG X. HẪN |
| — Văn chương và khảo luận | DIỆU ANH |
| — Một ngày vui hơn tết của kẻ bị
đi đầy chung thân (truyện phỏng
dịch) | YÊN SƠN |
| — Xác Ngọc Lam (truyện ngắn) | NGUYỄN TUÂN |
| — Thanh niên đối với việc làng | Ứng-hòe NG. V. TỔ ✕ |
| — Việc quốc tế | ĐỖ ĐỨC DỤC ✕ |
| — Đọc sách mới | L. H. V |

NGHĨA XUẤT XỬ?

NGƯỜI xưa có câu:

« Những rắp điền viên vui tuế nguyệt
Trót đem thân thể hẹn tang bồng »
lại có câu:

« Hữu mỹ ngọc ư tư, uân độc nhi tàng chư,
cầu thiện giả nhi cô chư? » (có ngọc quý, nên
đem giấu đi, hay nên đợi giá cao mà bán?)

Ai cũng biết rằng hai câu trên là một lời tự
tình của cụ Nguyễn công Trứ mô tả tâm sự
người trí sĩ trong lúc giao thời — Và câu dưới
là một câu hỏi bóng bẩy của Tử Cống dò ý
Khổng phu Tử trong cơn loạn lạc buổi Xuân
Thu.

Sinh vào lúc trời thế hỗn mang từ xưa đến
nay, biết bao trí sĩ nhân nhân đã từng bị bối
rối, đã phải suy tính đắn đo nên « ra » gánh vác
việc đời hay nên « ở » nhà tránh mặt.

Hai chữ « xuất xử » như đặt lên hai bàn cân
khí thăng bằng, khi chênh lệch, đã báo phên làm
cho nỗi lòng người thức giả phải giào giạt, phân
vấn.

Là vì « xuất » cũng có nhiều lẽ mà « xử » cũng
có nhiều lẽ. Hai bên phải trái nhiều lúc tương
đương.

« Xử » có nhiều nghĩa, nhưng nói tóm lại thì
không ra ngoài hai chữ liêm-sĩ.

Xưa kia, Bá Gi Thúc Tề tránh mặt vua Châu
vào ẩn ở núi Thù Dương, Tử Thử sinh vào
đời Tam quốc đành bỏ phí một đời không chịu
ra giúp họ Tào, và trong lịch sử nước Nam ta,
những lúc giao thời, nhất là buổi cuối Lê, biết
bao nhiêu con cháu thế-gia cự tộc, khảng khảng
một lòng khảng khái, khinh phú-quý, khinh sinh
mệnh, không chịu chen chân với bọn xu-hời ».

Người ta thường cho rằng những bậc danh-
thần liệt sĩ ấy khảng khảng giữ chữ « Xử » là vì
lòng Trung với chúa cũ; cái đó cũng có lẽ. Nhưng
nếu chỉ lòng tiết tháo của họ bằng chữ « Trung »
thì vị tất đã đúng. Bá-Gi Thúc-tề, phải chăng
chỉ vì Trung với nhà Ân mà không chịu thờ nhà
Châu? Tử-Thử phải chăng chỉ vì Trung với nhà
Hán mà không chịu giúp Ngụy? Danh thần, nghĩa
sĩ đời Lê hà chỉ vì giữ lễ với nhà Lê mà thoái-
thác việc đời? Không. Đã là người thức-giả, họ

rất hiểu thời-vận, họ biết rằng ~~lưu~~ luân-hoàn
là một luật chung, đời họ nổi ~~lưu~~ với kia, vua
này tranh vua khác, nhưng giang-sơn vẫn là
giang-sơn cũ, mà nghĩa-vụ vẫn là nghĩa-vụ chung
Hưởng chỉ Bá-Gi, Thúc-Tề biết Vua Trụ là tàn-
ác, Tử-Thử biết thời-vận nhà Hán đã hết rồi;
vậy phải chăng chỉ vì Trung với một vị hôn-quân,
nghĩa với một thời-đại suy đồi, mà họ cứ một
niềm giữ tiết?

Không. Khi tiết của người quân-tử rộng hơn
chữ Trung, cao hơn chữ Nghĩa.

Họ tránh đời không phải chỉ vì nhớt quá-khứ
mà lại còn vì khinh hiên-tại, và đợi tương-lai
Họ thủ-tiết, nhất là vì liêm-sĩ, khảng khái.

Vì khảng khái nên họ rất ghét cái thái độ « thấy
đồ lừa thì hơ tay vào » của những bọn xu thời.
Thái độ ấy rất đáng khinh vì nó dễ dàng quá,
và biểu lộ sự hèn nhát.

Vì liêm sĩ nên họ không muốn hạ mình cùng
đi với những hạng người không có bản lĩnh,
không có tư cách; mà hạng người này rất nhiều
trong lúc giao thời; bản chất trong sạch, người
quân tử muốn tránh xa những nơi « đục nước
béo cò ».

Chính cũng chỉ vì lẽ ấy nên đời nay ở các nước
văn minh có một lối ẩn dật riêng của những nhân
tài ghét phùng danh lợi: ấy là ẩn dật trong
nghệ thuật, trong khoa học. Pháp ngữ có câu:
« l'au nè » (tour d'ivoire) để gọi tên nơi ẩn
dật vô hình của những người học giả. Khu
khu trong « l'au nè » của mình người học giả
chuyên chú tìm kiếm, nghĩ ngợi, xa hẳn danh
lợi. Đứng trên « l'au nè » yên lặng mà trong trẻo
kia, họ nhìn ra trường chính trị với một nụ cười
khinh bỉ, lãnh đạm.

Nhưng có người không thể lãnh đạm được.
Đứng trước vũ đại thay đổi, họ không thể yên
tâm mà chỉ đóng vai khán quan. Đã đánh rằng
ẩn-dật trong « l'au nè », để suy nghĩ để tìm kiếm.
cũng là một cách giúp ích cho đồng bào, nhưng
khi người ta đã có nhiệt tâm, thì nào người ta

PHAN QUÂN

lý luận; người nóng lòng sốt ruột, người ta
hưởng chừng như: ~~tu~~ khu ẩn dật là một thái độ
ch kỷ, rồi theo tiếng gọi của lòng, người ta dấn
thân vào thế cực mà chiến đấu cho hạnh phúc
của toàn thể hay cho một chí hướng cao siêu.

Vì thế mà từ xưa đến nay đã bao nhiêu người
trí sĩ đã bỏ nơi ẩn dật mà ra gánh vác việc đời.

Ông Y Doãn nhà Thương bỏ thảo lư ra giúp
nước hăng hái đến nỗi đã nêu lên một quan niệm
cực đoan: « Vua nào là vua không thờ được, dân
nào là dân không trị được; đối với ta, vua nào
cũng có thể thành Nghiêu Thuấn, dân nào cũng
có thể thành dân Đường Ngu; trong thiên hạ
mà còn có người khổ, ấy là tội ta ».

Muốn như ông Y Doãn, rất khó, và được như
ông Y Doãn rất hiếm. Phải có tài năng, phải
có tài đức, lại phải có cơ hội.

Nhưng dầu không có cơ hội nữa, người trí sĩ
cũng không ngần ngại ra gánh vác việc đời. miễn
là thỏa được chí tiến thủ và nguyện vọng thì xả
của mình. Đó là thái độ Khổng Minh giúp Thục
Hán, thái độ Khổng Phu Tử chu du các nước
trong buổi xuân thu.

Và đó cũng là tiết tháo của biết bao nhiêu nhân
tài bên Thái Tây đã ra khỏi « l'au nè » mà hành
động theo một chí hướng cao siêu. Ông Lafayette
một võ quan sang Mỹ để giúp Hoa Kỳ, độc lập;
ông Byron một nhà thi sĩ sang Hy Lạp để giúp
Hy Lạp tự chủ; ông Paine một toán pháp gia
nhận chức thủ tướng trong khi quốc thể nguy
nan, ấy là chưa kể những nhà bác học hiện đại
như ông Langevin, ông Perrin, là những bậc giáo
sư vật lý học có tiếng ở hoàn cầu mà đối với
chính trường không ai giám bảo là lãnh đạm.

« Hăng làm chính trị đã » đó là khẩu hiệu của
một nhà văn hào Pháp hiện đại. Khẩu hiệu ấy
nên theo hay không?

Tưởng nên hay không, cũng tùy người tùy
cảnh —

Chính-trị là then máy cuộc sinh tồn của quốc
gia, xã-hội. Kinh-lẽ, binh-bị, học thuộc vắn vắn
đem chỉ-phối vào chính-trị cả — vậy trong một

quốc gia, chính-trị phải giao cho những phần-
tử lọc-lỏi, có tâm huyết, có tài-lực — Nếu những
phần-tử này lãnh đạm với chính-trị, lật cuộc
sinh tồn của quốc-gia phải nguy vọng —

Trước thái-đo lãnh-dạm của, người có tài-lực
lấy có khinh rẽ chính trường mà ẩn giết trong
« l'au nè » của khoa học, người ta đã phải hô hào
khẩu hiệu « hăng làm chính-trị đã ». Đó là một
tiếng chuông cảnh tỉnh cho cả một thế hệ trí-thức
mà người ta có thể gọi là phái « học phiệt ».

Kể ra đối với những cường-quốc Âu-Mỹ, có
nhân tài rất nhiều, khẩu hiệu trên kia cũng không
cần cấp lắm. Xét qua lịch-sử chính-trị, thì trong
chính-trường xưa nay vẫn có nhiều bậc nhân
tài — Cho nên cái quan-niệm « khinh chính-trị »
biết đâu chỉ là một câu đầu lưỡi của những kẻ
chán-đời bày đặt ra để che đậy cái bất-lực của
mình — Mà dầu quả có những bậc chân tài vì
theo quan-niệm ấy mà khu khu trong l'au nè
học giả nữa, thì cũng còn nhiều nhân tài khác
ra gánh vác việc đời: « Đông có mây tây có sao »
trong nước nhiều nhân-tài chia việc mà làm, rút
cực lại, không có gì đáng lo cho quốc-thể —

Nhưng ở những nước hạn-tiền nhân-tài còn
ít mà công việc thì nhiều, phái « học-phiệt » không
được cái may mắn được chia việc mà làm, và
trộn lẫn công việc mình sở thích,

Trải bao nhiêu nỗi khó khăn, họ mới ngoi ra
được bề học. nếm thấy cái hưng-thú của sự-học
Cũng như anh em các nước, họ say sưa trong
thủ-phòng hay trong khảo-viện với sách vở với
máy móc — Tìm được một bằng chứng xác đáng,
làm được một cuộc thí-nghiệm có kết quả thì
dầu cặm-cui suốt ngày suốt tháng, họ vẫn sung
sướng mà mãi miệt lìm lỏi.

Giả thử thế giới chỉ có Thư phòng hay Khảo-
viện, thì hạnh-phúc của họ thật hoàn toàn. Nhưng
khốn thay, thế-giới còn có nhiều cảnh tượng khác
Lắm khi, đương chăm chú đọc sách, đương say
mê tìm tòi, bỗng bên cạnh mình có một người
gỡ một tờ báo thời-sự, liếc nhìn những chữ
dầu dề to, thì tâm hồn người, người du-học như
chợt tỉnh mặt giấc mộng êm đềm rồi nỗi lòng
(Xem tiếp trang sau)

bứt rứt, ngồi đứng không yên nghĩ cảnh người, cảnh mình, mà tự hỏi công việc mình đang làm một cách say sưa, phải chăng là công-việc độc nhất của mình?

Tổ nghiệp rồi, nên « xuất » hay nên « xử ». nên miệt mài trong lâu nhà khoa học, hay ngoài sự học ra, còn phải lưu tâm đến những vấn đề xã-hội, hình-tại của nước nhà? Mỗi bên có một lẽ phải, khi nếm lòng người du-học phân vân ban khan, đau đớn, mà thêm thường số phận anh em đồng-học người các nước, nhờ có tiền bối mà được yên, chỉ theo đuổi cái học-thuật sở thích của họ.

Chuyên tâm mà theo đuổi học thuật đó không những là một thú vị riêng cho cá nhân, mà lại là một điều lợi chung cho đoàn-thể: vì có sự chuyên tâm, sự say sưa học-thuật ấy, thì khoa học, nghệ thuật mới tiến bộ, mới phát đạt được. Cho nên cứ bình tĩnh mà xét thì những người ham mê học thuật mà lãnh đạm với thời-thế, kẻ rất đáng quý».

Nhưng ta nên nhớ rằng, trong một nước, học thuật có liên lạc mật thiết với các ngành sinh-hoạt khác: muốn học-thuật được tự do phát-triển, thì các ngành sinh-hoạt khác cũng phải được tự do phát-triển ngang hàng, nhược bằng không thì học-thuật cũng như một cây hoa quý ở xứ lạ đem về giồng: tươi nở chốc lát, rồi sẽ héo khô vì đất kém phì nhiêu và khí hậu tàn khốc.

người làm vườn có khôn khéo mà dành riêng cho thứ hoa quý ấy một chậu đất tốt và một lồng kính điều khí, thì cỏ lẽ hoa vẫn sống được, nhưng sống một cách gượng gạo, và chẳng nếu

chung quanh chồi hoa tươi-đẹp kia mà cây cỏ khác cần cội xáo-xo, thì vườn có gì là đẹp.

Cho nên ở các cường-quốc ần đặt trong-tầm nhà của khoa học của nghệ thuật, mà lãnh đạm với thời-thế, thì là một thái độ dửng dưng còn ở với nước hậu-tiên, giữ thái độ ấy là phạm tội với quốc gia, với đoàn thể.

Cảnh cáo lưu học sinh Trung-Hoa-Lương, Khải-Siêu có nói rằng:

« Thiên chức của các anh, không giống như thiên chức thanh niên các cường quốc. Ở các nước khác, nhờ có công phu của tiền bối quốc thể đã vùng vằng, hậu tiến chỉ phải noi theo nền nếp cũ mà tuần tự tiến bộ là đủ rồi. Còn ở Trung quốc, tuy có quốc-gia nhưng tinh chất quốc-gia chưa đủ, tuy có chính-phủ nhưng nghĩa vụ chính phủ chưa tròn, cho nên sinh viên các nước học là cốt vụ ở sự học mà thôi, còn sinh viên Trung-quốc ngoài sự học còn phải lưu tâm đến thời-thế. »

P. Q

Thông chế PÉTAIN đã nói:

Các người chỉ nên theo những khẩu hiệu này: Làm việc giúp nhau vâng mệnh. Đau khổ mà vẫn dương hoàng, hứa lời thì phải giữ, tự mình nên tấm gương sáng về trung trực tự hào và danh dự.

LẦN ĐẦU TIÊN MỘT LÀN HƯƠNG X XÔI NGƠ NGÁC LẠC VÀO VƯỜN THƠ NAM VIỆT

QUÊ NGOẠI

Thi phẩm đầu tiên của **HỒ DZẪNH** tác giả « **CHÂN TRỜI CỬ** » (tái bản).

Quê Ngoại đem lại lòng người một nỗi buồn ý vị, một thương nhớ mệnh n ô 1g, khiến người đọc phải mê say từ trang đầu đến chữ cuối. Gần 200 trang, khổ lớn, bản thường 3\$00, bản tốt 5\$00, bìa của họa sĩ Nguyễn Đức Nùng Tủ Sách Nguyễn Hà Xuất bản.

Á-châu ấn-cục.

17 E nile Njly Hano i. phát hành.

CHÈO CỎ

(Tiếp theo)

Lưu BÌNH (than). — Thế mới biết gia bần nô lý chủ, Quốc rồi Quĩ lộng nhân. Điều xưa ví điều gì cũng có. — Thương ời thì thời hồng, thầy tớ nó bỏ nó đi. Đường thời sa tôi thui thui một mình. Ấu là tôi cất gánh dăng trính. Về cho đến quê nhà giảng tập. — Khốn nạn chữ này là chữ làm sao. Muốn mần chỉ để anh hào tử thân.

(Vẫn theo câu trên) Lưu BÌNH (về đến nhà, kẻ cướp đốt cả nhà, than) Nay đây về đến quê nhà chẳng may lại gặp cơn binh lửa, nhà tôi sạch như lau rửa. Biết lấy gì theo nghiệp học hành. Bác Dương công đây đã hiển vinh. Tinh bằng hữu ắt thương tôi lưu lạc. Đường thời xa tôi quản làm sao được. Ấu là tôi cố trí tôi sang. Họa người nhờ kim-lan nghĩa cũ.

Hát. — Lặn dận xa xôi, nước non lặn dận xa xôi. Đường đi nghìn dặm chân trời bước ra.

Nói. — Đây đã đến kinh kỳ kẻ chợ. Dinh quan Dương công tôi đã hỏi thăm được đó, biết cậy ai mà bầm được vào. Không biết chú tiểu đồng đi đâu không thấy.

Lưu BÌNH ngồi ẩn ở cung đường. TIỂU ĐỒNG ra quét cung đường. (Vĩa chuyện) Đất ngải đây đất thanh lịch đất có hữu tình. Có đường vô sảng tới dinh quan lưu đồn.

Hát. — Ba năm mắc còn đương chán thủ. Tinh dầu tình ời trần thủ lưu đồn, ngày thời canh điểm, tối đồn việc quan, chêm tre, ngã gỗ trên ngàn; than thân rằng khổ biết phân nân cùng ai. Phân nân những trúc cùng mai, có cây măng nứa có cây ngô đồng. Xót xa muối đồ trong lòng. Đờ an khem khổ biết lấy gì làm ngon. Mi khoe mi đẹp mi dòn so bề nhau sắc hầy còn kém xa. Mi có khôn mi cũng thể dằn bà, choa có vụng, choa có đại, choa

TRÒ
LU'U
BÌNH
DU'ONG
LỄ
NG. X. KHOÁT
sao lục

cũng là đàn ông. Muốn cho do vợ đây chồng đó bế con gái choa hồng con giai. Chồng sinh vợ lịch nhất ở trên đời. TIỂU ĐỒNG (quét, trông thấy Lưu Bình ngồi): « Anh kia đi đâu tên là gì? »

Lưu BÌNH nói. — Thưa tên tôi là Lưu Bình. Tôi có bạn với quan lớn sang chơi nhờ cậu bầm cho.

TIỂU ĐỒNG nói. — Ồi giới ời! Anh nói lạ, anh ăn mặc thế bạn với tôi cũng chẳng đáng nữa là bạn với quan tôi.

Lưu BÌNH nói. — Thưa cậu bạn là bạn lúc hàn vi đương đi học.

TIỂU ĐỒNG nói. — À thế ông nói thế ra ông cũng là người học trò? Ông có biết chữ không?

Lưu BÌNH nói. — Thưa cậu có.

TIỂU ĐỒNG nói. — Mời ông ngồi chơi. Ông bảo ông biết chữ. Tôi hỏi ông vài câu lục đục. Ông mà nói được rồi tôi sẽ bầm. Ông có biết thế nào là: « Chu Công đồng chinh, Hoàng Long phụ chu, chu chung nhân cự, Vu ngưỡng thiên thần viết: Ngô thụ mệnh như thiên ». Ông có biết là nghĩa gì không?

Lưu BÌNH nói. — Chu Công đồng chinh là ông Chu Công sang dẹp giặc bên đông. Hoàng Long phụ chu là con rồng vàng đội thuyền. Chu chung nhân cự là người trong thuyền đều sợ Vũ ngưỡng thiên thần viết: « Ngô thụ mệnh như thiên », Vua Vũ-vương ngửa mặt lên giới than rằng: « Ta chịu chung mệnh giới »

TIỂU ĐỒNG nói một mình. — Hay đấy như ta cậy người nhà quan bề lý sự đánh chơi. — Ông bảo Chu Công đồng chinh là ông Chu Công dẹp giặc bên đông; nhưng tôi bảo là « ông Chu Công vác bình tinh sang bên đông; mà: « Hoàng Long phụ chu », ông bảo: « con rồng vàng đội thuyền » nhưng tôi bảo: « người trong thuyền thắt cái ruột tượng vàng », « chu chung nhân cự », ông bảo: « người trong thuyền đều sợ », tôi bảo « người trong thuyền đều ăn cỗ »; « cự » là « cỗ » có phải không? — (nó đánh

Lưu BÌNH cũng nhận rằng phải) — Dám trình hầu bác què ở đầu tá, hãy ra ngoài phố nghỉ chân giờ Dần tôi bằm sớm.

Lưu BÌNH nói. — Cậu ơi, rạng ngày mai ngái tỉnh giấc vàng. Cậu bằm cho tôi bạn cũ sang chơi. Ất người nhớ kim-lan nghĩa cũ. Lưu BÌNH ra.

TIÊU ĐỒNG nói. — Đến giờ rồi nào phòng trà phở canh đầu đỏ vào nhà trong pha nước cho mau.

Dương LỄ ra. — Ngồi uống nước huôn râu nhớ bạn. Nói một mình — Tự ta ứng thi tịm giữ nhà vàng, thừa diện-trường mong chiếm bằng vàng. Tôi cập đệ thương Lưu bình lạc đệ. Ta có giao ước với bác Lưu bình : «vinh tác cộng lạc, bần tác cộng ưu, hoạn nạn tương cứu Ách tác tương phù». Cam khổ giữ đồng Bất ly bằng hữu». Hay là bác ấy trở lại quê hương lập nghiệp. Lòng ta thiết mộ dạ tư. Thương Lưu Bình dạ nợ khôn nguôi, nhớ quý hữu lòng ta khảng khái.

TIÊU ĐỒNG bằm. — Bằm quan lớn hôm qua tôi ra công đường thấy một người ăn mặc cổ thừa ra điều rách rưới, tên gọi Lưu Bình nói có bạn với ngài. Tôi không tin tôi bảo ra hàng phố nghỉ rồi đến sáng mai tôi bằm sớm.

Dương LỄ hỏi. — Mày trông có được béo tốt?

TIÊU ĐỒNG nói. — Béo nhưng không béo đều béo có cái mỡ với hai bìn chân.

Dương LỄ nói. — Thế ra phù. — Dương LỄ nghĩ một lúc rồi đòi ba vợ ra.

Ba vợ (cùng via truyện). Rừng thông phách suối vang lưng cả khe lảng kệ chim rừng nghe kinh.

Hu. — Khéo gầy tính tính. Cung đàn ai khéo gầy tính tính. Một vài đàn cái con cá nhơn, tựa gành nó nghe chữ đôi bên lững lờ. Con cá lội so le. Kinh ngư cả nhơn nó đề cá con. Thị kỷ cá vượt vũ môn. Chim khôn tha mồi về tổ mới con ở trên cành. Nào nùng tin tức hỏi thăm oanh. Chim oanh học nói trên cành véo von. Con phượng hoàng năn nỉ ở trên non. — Bằm quan, chị em tôi đã ra hầu.

Dương LỄ mời ba vợ ngồi rồi nói : Tôi có việc nay thậm khó lắm đây. Ai chịu khó giúp tôi việc ấy.

Vợ cả nói. — Có việc gì quan người dậy, can có gì nghĩ ngợi làm chi.

Dương LỄ nói. — Ta có bác Lưu Bình sang chơi cùng ta đó; tình anh em kết trong tạng phủ. Thừa hàn vi nghiên bút tương thành. Ta

nhờ phúc nhà đã được hiền vinh. Anh em cơ hàn khổn khổ. Cũng có nhẽ cho anh em no đủ, sợ đủ no nhẽ việc học hình. Ấu là ta giả cách vô tình. Chịu tiếng bạc cho anh em tủi cực. Anh em có tủi cực thời mới học hành ra sức, ta sai người thân tín đi nuôi. Trong ba nàng anh cậy một người ai chịu khó giúp ta việc ấy.

Vợ cả nói. — Nhời quan dạy dám đầu thừa lại Cổ kim nay có thể bao giờ, thiếu gì điều cho bạn được nhờ, như việc ấy em lấy làm thậm khó. Số bạn quan hãy còn vất vả. Một hai khoa, ba bốn năm khoa. Vả chương nay nam-nữ đồng cư, tiếng tăm ấy làm sao cho sạch. Việc ấy thời tôi lánh trước có nên chăng mặc ý hai gì.

Dương LỄ nói. — Nàng cả đã vậy, còn nàng hai em nghĩ làm sao?

Vợ hai nói. — Bằm lấy quan, chị em tôi thơ yếu liễu đào việc nuôi bạn không sao đi được.

Dương LỄ nói. — Khốn lắm thay, khổ lắm thay. Có việc này mà lại không xong? Thương anh em đương lúc vận cùng. Rầu vì bạn rồi lòng vì bạn. Nàng cả nàng hai đã vậy, nàng ba Châu Long em nghĩ làm sao?

CHÂU LONG nói. — Quan đã hết lòng vì bạn, thiếp cũng xin ra sức cùng chống đỡ kịp chày chẳng ngại công. Xin đi cho đến nơi về cho đến chốn. E thói thau vàng lẫn lộn xin lượng quan thượng xét cho cùng.

Dương LỄ nói. — Việc nàng đi nàng cứ nàng đi, ta quân tử nghĩ chi chuyện ấy. Ba nén vàng nàng thời nhận lấy. Giúp anh em cho khuya sớm học hành. Dãi lòng ta bằng hữu chi tình. Anh em đồ tìm đường trở lại. Giai thương bạn đứt lòng ân ái. Gái vì chồng chớ quản lắm than.

CHÂU LONG hát sấp. — Vàng lĩnh lấy vàng Thiếp đi nuôi bạn thay chàng Dương Công.

Nói sử. — Phận tiểu tình bên gối ngoài màn cơn bây giờ sa cách tột nhan. Lòng tưởng vọng kẻ làm sao siết. Bước chân đi lòng càng nhiệm nhặt. Biết khi đi để biết khi về.

Dương LỄ nói. — Việc nàng đi nàng cứ nàng đi đừng nghĩ chi chuyện ấy. Tiêu đồng con ra xem bác Lưu Bình còn ngồi đầu đấy bảo bác về mai sớm lại đây. Việc ra vào ăn nói mặc may, nói làm sao cho anh em tủi cực thì con nói.

TIÊU ĐỒNG nói. — Vàng ạ, việc nhân đức tôi không làm được, việc bạc ác tôi làm được

ngay. Tôi xem bác Lưu Bình ngồi đầu đấy tôi nhắc nách cho mấy quả ục hẳn là được.

DƯƠNG LỄ nói.— Không được thế. Quân tử sát chi dĩ ngôn. Tôi nhân sát chi dĩ thạch. Lấy miệng tiếng mà nói chớ không được đánh TIÊU ĐỒNG.— Vàng.

DƯƠNG LỄ, TIÊU ĐỒNG hạ

VỢ cả nói.— Nàng ba em hồi dành quan dạy việc nên nghe em hãy nên nghe, ai bảo em những chuyện éo le. Em đi nuôi bạn chớ bao giờ cho bạn khá. Số bạn quan hãy còn vất vả. Một hai khoa, ba bốn năm khoa, hay là em đem răng long tóc bạc về nhà hay em tổng chung cùng bạn.

CHÂU LONG nói.— Trình lady chị, chị có thương em mới dạy điều hơn nghĩa thiệt. Em trộm nghĩ rằng tình bằng hữu cũng như đạo vợ chồng. Sốt tình quan thương bạn đối lòng, không có nhẽ ba người chối cả. Trình lady hai chị nghĩ nhà thông thả, em bước chân đi trộm nhớ muôn phần.

VỢ cả nói.— Em đi chị bắt em quẻ độn này Thiên tướng cát nhân. Mừng chàng Lưu khoa này cập đệ. Chị em ta ở với nhau là thế, em thương bao nhiêu chị nhớ bấy nhiêu.

Ba người cùng hát.— Thiết tha nghe thấy lời chàng năn chàng nỉ, năn nỉ thiết tha ngọt ngào đầu lười mận mà bền tai. Vàng nhời chàng ra. Sợ tiếng, mặc tiếng dề dòi. Không vàng cũng sợ lòng người siết bao. Tận từ tôi chẳng dám tiếc công lênh nào. Còn e lòng khách, lòng nào sừng chằng, cô Diêu Thuyền thấp thoáng bóng trăng ai đem người ngọc thung thăng chốn này. Cối Việt-nam đầu cũng trời đất nước non này.

Hai người về CHÂU-Long đi. Hạ tất.

NGUYỄN XUÂN KHOÁT sao lục

ĐÃ CÓ BẢN:

PHỤNG MỆNH QUÂN VƯƠNG. . 0\$20

TRẦN THỦ LƯU ĐỒN. . 0\$20

QUYẾT CHÍ TU THÂN. . (hết)

là những điệu chèo cổ, trong bộ Việt-nam nhạc phổ do Nguyễn xuân Khoát, ghi chép bằng ký-âm pháp Âu-lấy người thường có thể tập lấy mà hát được.

NHÀ XUẤT BẢN THỜI ĐẠI

214, phố Hàng Bông, HANOI

■ NHÀ XUẤT BẢN ■

HÃNG TỔNG PHÁT HÀNH

Số 214, Hàng Bông, Hanoi

THỜI-ĐẠI

I. — XUẤT BẢN:

NGUYỄN VĂN NGỌC
ÔN NHƯ TOÀN TẬP

Truyện cổ nước Nam — Tập ngữ phong dao — Cổ học tinh hoa..

HOÀNG ĐẠO TRUY
TRAI NƯỚC NAM LÀ GÌ?

NGUYỄN XUÂN KHOÁT
VIỆT NAM NHẠC PHỔ

Quyết chí tu thân — Phụng mệnh quân vương — Trần thủ lư đầu, (Đã có bản. Giá: 0\$20).

NGUYỄN TUÂN
VANG BÓNG MỘT THỜI (tái bản)

II. — TỔNG PHÁT HÀNH:

Hai cuốn thơ của PHAN KHẮC/KHOAN

XA XA (loại sách giá. . 1\$60)

« Những hình ảnh, những ý nghĩ không ngờ... Những bức tranh rất thần tình. Những bài thơ nhẹ nhàng và ngộ nghĩnh.

HOÀI THANH (Tao-dân)

HƯ VÔ (dịch thơ của Omar Khayyam)
(loại sách đẹp. Giá . . . 2\$00)

« Lần này là lần đầu tiên thư viện nước nhà đón nhận một bộ tài liệu của nước Ba Tư, người mà thiên hạ đã liệt vào các bậc đại thi hào cổ đại của thế giới.

(Tựa của ông UNG QUẢ, Đông Cung giáo đạo.)

Mua buôn bán THANH NGHỊ (mọi công việc về, trị sự và phát hành) dưới 20 quyển trừ 25% trên 20 quyển trừ 30%.

Ngân phiếu đề cho:

M. ĐỖ HUÂN
214, Hàng Bông, HANOI

XÃ - HỘI VIỆT - NAM

TỪ THẾ-KỶ THỨ XVII

NGUYỄN TRỌNG PHẢN dịch

BÀI THỨ MƯỜI MỘT

IV. — Mariny

Hình phạt. — Luật pháp cấm người chồng bắt được vợ mình trong nhà người đàn ông khác đang thông gian với vợ mình, không được giết người đàn bà; nhưng không cấm người chồng cắt tóc vợ rồi dẫn nó lên quan: quan bắt người dâm phụ thú nhận tội rồi cho đem vút vào chuồng voi đã được rèn luyện thành đao-phủ thủ. Voi dùng vòi quấn lấy người ấy, giơ lên cao quấn thật chặt rồi quật xuống đất dữ-dội đến nỗi người đàn bà nghẹt thở, quắn-quại, rẫy-rụa rồi chết đi; nếu thấy chưa chết, voi lấy chân dầy đến khi nào người ấy nát ra thành nghìn mảnh. (trang 137).

Tại các tỉnh không có nhà ngục; nhưng trong nhà quan tỉnh cũng có đủ dụng cụ để cầm giữ tra khảo: xiềng, xích, khóa tay và những dụng cụ bằng sắt khác nữa. Nhưng hình phạt thông dụng nhất là gông: gông làm bằng hai thanh gỗ to và giải như một cái thang, có hai miếng gỗ ngang nối thanh nọ với thanh kia, hai miếng gỗ ngang đặt như hai bậc thang kẹp đầu vào giữa không thể nào kéo ra được; phạm nhân phải đeo gông đến ngày tuyên án. Nhưng ở Kẻ-chợ thì có nhiều ngục thất cho cả việc hình lẫn cả việc hộ. Ở các ngục này (chứa những phạm nhân can án vào việc hộ?) người ta có thể đi lại và giải buồn được; nhưng những ngục hình. . . : . . làm dưới đất, không có cửa..., chỉ có ánh sáng một ngọn nến viên ngục đốt thấp cho và bắt tội nhân đến hạn phải giả tiền; nếu người khốn nạn này không có tiền thì ngục tối không ai ngại, đánh cho máu me đầm đìa, thừa sống thiếu chết, tội nhân không có ai để nói chuyện và than khổ bao giờ. . . . Chỉ có thân quyến mới được phép nói chuyện với tội nhân thôi, đến báo cho người này biết bản án tử hình và tụ họp lại để dẫn ra pháp trường. Ra đến nơi, tội nhân đã thấy có một bữa ăn sắp sẵn; hình như không cho rằng cái chết rất gần, giờ chết chưa chắc đã đến và hẳn ta vài phút nữa sẽ bỏ cõi đời, hẳn ta ăn bữa cuối cùng và ngào ngẩn thệt thà bày hầu hân. Đến giờ

hành hình, đao-phủ-thủ hoặc một tên lính nào đẩy bảo hân là đến lúc phải tuân vương mệnh; cứ ngồi sệp xuống đất chẳng sê sịch đi đâu, hẳn đưa tay cho người ta chói gập ra đằng sau. Xong rồi người ta búi ngược tóc hân lên đỉnh đầu và chẳng cần theo một nghi thức gì khác, đao-phủ thủ cầm dao đến gần và hạ thủ. . Các thân vương quý tộc không bị chém đầu như bọn thường dân, lưu huyết là một điều nhục nhã đối với tôn tộc. người hoàng phái, quý phái. Vì thế nên các quốc thích chỉ dùng một cái gậy bằng gỗ hoàng đàn giải ba thước, to vừa phải phang một gậy vào đầu cho chết, còn người quý phái nào bị tử hình thì chỉ bị thất cổ hay cheo cổ chết thôi: một lối chết danh giá nhất, ít nhục nhã nhất... Bọn trộm cướp trước khi chế bị đem bêu ba ngày giữa một công viên cho công chúng sỉ vả, trên một chiếc xe bò dưới ánh nắng gay gắt của mặt trời, chẳng có gì che phủ cả, cách hình phạt này nhục nhã nhất đối với tội nhân và rất có công hiệu đối với quần chúng:

Một quốc thích nào đã làm loạn hoặc sui dân làm loạn thì bị kẹp cổ vào hai chiếc gậy gỗ như vào giữa hai bậc thang rồi những kẻ đứng ra hành

SÁCH MỚI:

LUẬN TÙNG

Trong từ sách « Tân-Việt »

Một tập hồ sơ dâng lên tòa phúc-án của học-giới để yêu cầu xét lại sự vùi dập tức tưởi trong cõi quền lạnh lùng

Đầy 160 trang. Giá: 1\$50

TRIẾT HỌC EINSTEIN

trong « Từ sách triết học »

Đầy 260 trang. Giá: 2\$30

ĐÁ PHẬT HÁNH:

Thi hào TAGORE

Một công trình khảo cứu rất giá trị của ông NGUYỄN VĂN HAI

Đầy ngót 400 trang

NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT

== 49, Rue du Takou, Hanoi ==

hình bóp hết sức chặt làm cho phạm nhân nghẹt thở và chết. Muốn thử xem phạm nhân đã chết chưa, người ta đốt hai chiếc đèn, đem hai bàn chân kẻ sát vào ngọn lửa; nếu tội nhân hơi còn một chút cảm giác thì hai đao phủ kẹp cho đến khi người ấy chết hẳn không cử động được nữa.

Lính đào ngũ bị sẻo mũi; quan binh đào ngũ bị chặt thêm hai bàn chân. Bọn du côn hay sinh sự cãi nhau, đánh nhau bị chặt một, một nửa hay tất cả các ngón tay.

Nhân dịp này tôi kể một chuyện mới xảy ra lúc tiền đế sinh ra đức vua đang tại vị thăng hà. Đức Kim thượng ban chiếu muốn rút nửa lương các võ quan và quân lính. Sự cải cách này không làm vừa ý một quan « thái giám » có đạo gia tô, tên là Antoine, cận thần của tiền đế và đứng vào hàng thứ hai các triều thần, được tiền đế biệt đãi vì tài năng và đức tính; viên thái giám này phần nộ đến nỗi giám cầm xé tờ chiếu trước mặt nhiều người. Nhiều viên cố vấn được cất ra để xét tội khi quân, một phần vì ghen ghét địa vị cao sang của viên thái giám, một phần ghét viên ấy có đạo gia tô, quyết nghị xin chặt một tay viên thái giám. Thiếu quân muốn tha thứ; ban rằng từ lúc tiền đế băng hà, hình án này là hình án đầu tiên, ngời không muốn trừng phạt một tín thần của tiền đế, một đại thần lương đồng của ngài; hơn nữa tiền đế khuyên ngài trong mọi việc nên có độ lượng quảng đại, khoan hồng hơn là nghiêm khắc. Nhưng các quan biết rõ ý vua nhất định xin thi hành bản án và tâu rằng nếu bắt đầu dung túng những kẻ khinh nhờn phép vua tức là một việc nguy hại đến thanh danh của ngài khi dân chúng đã cảm mến ngài và tin rằng ngài là một vị vua công bình chính trực nhất, hơn nữa đem trừng phạt một vị đại thần, ngài càng làm vững chắc uy danh. Sau cùng đức vua cũng không chịu nhận rằng tội ấy đáng phạt, nhưng bảo các quan nề ngài, phạt rút nhẹ đi một

nửa. Viên thái giám tường chuyện đến lúc này có thể rút lột các án quan, xin đưa cứ mỗi ngón tay là một trăm đồng vàng. Nhưng các quan chột đã xin vua nghiêm phạt lại muốn tỏ rằng mình không vị lợi, cứ y an; và thái giám Antoine bị chặt đứt nửa bàn tay...

Sát nhân phải giả tử. Không những phải thường mạng lại còn phải nộp cho ngân khố số tiền thuế người chết phải đóng từ năm hai mươi đến năm sáu mươi: tội nhân không có thì họ hàng phải đóng thay; nếu hẳn không có bà con, hoặc họ hàng hẳn cùng vô sở xuất thì làng mạc phải chịu. Cũng có khi vua giao kẻ sát nhân cho gia đình người bị giết để cho bọn này tự trả thù lấy bằng các thứ hình phạt cho hả tức giận. Cách đây không lâu đã có người muốn báo thù cho một thân nhân bị chết đã chém bằng búa và bằm kẻ sát nhân ra làm nhiều mảnh từ chân lên đến đầu, để hẳn chết dần. Cũng có khi nguyên đơn rút đơn kiện ra thì sát nhân không bị tử hình nhưng được chịu một hình phạt nhẹ hơn tùy từng trường hợp. Những kẻ gian tham trộm cướp không bị tội chết vì thế nên bọn bắt lương rất nhiều; nhưng khi có chứng cứ thì họ bị nghiêm phạt, quan cũng vậy. Những người bình sinh là người can đảm mà mắc tội tử hình thì chẳng những được vua tha tội chết cho mà lại còn được trọng dụng trong quân đội.

Huyện quan hay xã quan được phân xử những tội nhẹ và kết án khi số tiền bồi thường không quá giá một con trâu hay một con bò; đền bằng thóc gạo cũng được nhưng phải giả ngay vì cứ để lẫn lộn thì lãi mỗi ngày một nặng.

Bằng chứng không đủ cũng có cách thăm vấn nhưng không có lệ đem treo. Tội nặng thì phạm nhân bị tra tấn rất độc ác, sắt đem nung đỏ rồi ép lên mạng mỡ và bụng, nhưng có người gan không chịu cung khai gì cả.

NGUYỄN TRỌNG PHẤN

THÁNG GIÊNG QUÝ VI

SẼ CÓ BÁN:

TÓC CHI HOÀI

của

NGUYỄN TUÂN

phụ bản của NGUYỄN GIA TRÍ

ẤN BẢN CHÍNH HẠN ĐỊNH:
600 bản:

Bản Impérial Annam đặt mua trước . 10\$00

Bản thường 2\$50

LƯỢM LỬA VÀNG xuất bản

49 — Tiéntsín — Hanoi

XIN CHÚ Ý:

Mai 1943, một quyền sách mỹ thuật của một nhà văn từ danh biểu không độc gia Lượm lửa vàng.

Đã có bán và gòn hết

TRUYỆN QUÊ của TRẦN TIÊU Giá: 1\$00

JÉSUS CHRIST của HIẾU ĐỨC Giá: 1\$00

ĐỪA CON CHỜ ĐỢI của GUYỄN ĐỨC CHÍNH Giá: 0\$60

Tổng phát hành

XUÂN THU NHÀ TẬP Giá: 1\$50

SẮP CÓ:

GIỌT SƯƠNG HOA XUÂN của PHẠM-VĂN-HẠNH Giá: 2\$00

Một quyền sách do LƯỢM LỬA VÀNG xuất bản là một quyền sách có giá trị

NGUỒN GỐC VĂN KIỀU

(VĂN PHÁI HỒNG SƠN)

HOÀNG XUÂN HÂN

(Tiếp theo số trước)

Muốn độc-giả nhân ngày xuân được ngâm ngợi thơ xuân, tôi xin chép bài mộng-lý ra sau đây, với bài tựa mà tôi đã dịch. Cối cùng lại có bài thơ của ông Tri huyện T ên-lự, người cùng họ Nguyễn đề và tôi cũng sẽ dịch đính theo.

Trong văn có nhiều tiếng cổ mà vùng Nghệ-tĩnh còn giữ được, tôi xin chú-thích. Văn dùng rất nhiều điệp-tích, cụ Cử-nhân Dương-bá-lạc đã giúp thích cho. Tôi đã nhắc lại những câu ở Hoa-tiên và Đoạn-trường tân-thanh có liên-lạc với văn Mai-dinh mộng ký, để độc-giả thấy sự liên-lạc của ba áng văn của văn-phái Hồng-sơn.

Tôi lại chia bài ca ra đoạn và tóm tắt đoạn bằng vài ba chữ, dùng làm mục.

Tôi có đánh số thứ-tự các câu thơ, hai câu lục và bát kể làm một. Dưới thích nghĩa cũng theo số ấy. Thấy chữ nào khó hiểu trong thơ thì xin kiểm chú-thích dưới.

MAI ĐÌNH MỘNG KÝ

I.— Bài tựa (dịch)

Ta nghe nói: người có *giác* (1) lớn mới có *mộng* lớn. Lời nói màu nhiệm thay! Lời nói màu nhiệm thay!

Ôi! Việc lớn như chung-thủy của trời đất, bé như sinh-tử của nhân-vật, xa như thế-biến (2) của xưa nay, đều là *giác* trong *mộng* vậy. Như thế thì, những kẻ gọi là *mộng-ảo*, gọi là *trần-giới*, gọi là *ngộ-lữ*, gọi là *hành-kách* (3), mới có thể nói chuyện *mộng* được mà thôi.

Bài *Mai đình mộng ký* để chép *mộng*. *Mộng* ấy bé. *Mộng* bé bé, *ắt giác* bé bé. Ta thường bảo kẻ *chúng-nhân* *mộng*, kẻ *chỉ-nhân* (4) *giác*. Há biết đâu là kẻ ta cho là *mộng* lại không *mộng*, kẻ ta cho là không *mộng* lại *mộng* hay sao.

Vì thế nên bài ký *Mai đình* này mới làm ra.

Năm kỷ-tỵ mùa xuân, sau ngày khai-hạ (5), ta lên đi chơi Nam-đường (6), đề mừng nhà học của anh ta mơ dựng ở núi Chung-sơn (7). Đ. đường bị mưa, trú lại phố Phù-thạch (8), ở nhà bà con. Người bà con thuê đồ cho ta.

Trời gần tối. Ngược dòng lên phương Tây. Gió

mát thổi nhẹ, trời cao không mây, trăng sáng trên không. Bảo trẻ đem rượu cùng uống. Cảnh núi xuân mờ tối, nước xuân nhấp nhô. Xuân quang, xuân sắc đều hợp với người.

Chỉ biết đi chơi xuân có thể say. Nào có biết say mà ngủ phoir r hơi, ngủ mà mộng phoir phoir chập chờn đâu. Đi cũng như không, mà lại cũng như không. Những cùng gió lọt trúc thưa, nhận qua đầm lạnh, y như một điệu, lý-thú vô ngần! Cô gái dưới Mai-dinh, thần tứ láng láng; phu-nhân trong thư-các, lời khí nghiêm chính.

Đẹp đẹp như đào lý, cứng như bách tùng, nồng như thuần giao (9), lạnh như sương tuyết; thiên hình vạn trạng, không phải lấy bút mà tả hết được. Ta cũng không biết bấy giờ thần tứ ra sao.

Ôi! Vừa lúc đi xem đèn ở bến Phù-thạch, trước không biết sẽ có cuộc đi chơi trên sông dưới nguyệt, lại không ngờ sẽ có giấc *mộng* Mai-dinh!

Đó là *mộng* chăng? Đó không phải là *mộng* chăng? Duy chỉ có người đại giác mới đoán được.

(1) Giác: Tỉnh, trái với *mê*.

(2) Thế-biến: sự biến cải của đời.

(3) Trần giới: bụi rác. Ngộ lữ: người qua đường. Hai tiếng ấy và hai tiếng *mộng-ảo* và *hành-kách* đều là tiếng chỉ người ở cõi đời.

(4) Chúng nhân: người tầm thường. Chỉ nhân: Người khéo thường.

(5) Khai-hạ: ngày mồng 7 tháng giêng. (Năm 1809).

(6) Nam-đường: tên huyện, nay là Nam-đàn ở Nghệ-an.

(7) Chung-sơn ở làng Chung-cự.

(8) Phù-thạch: tên bến và phố, hồi trước, ở trên sông Lam-giang, cạnh núi Lam-thành. Đó có đá nổi gần bờ nam-nghen. Nên có tên ấy.

(9) Thuần giao: tên hai thứ rượu ngon.

II. — BÀI CA

1. — Nhập đề

Trăm năm là kiếp ở đời,
Vòng trần này dễ mấy người trăm năm.

Ho.-tien: Trăm năm một sợi chỉ hồng. Kiều: trăm năm trong cõi người ta.

Cuộc phù-sinh có bao-lăm,
 Nở qua ngày bạc mà lăm tuổi xanh.
 Duyên tể-ng, hội công-danh
 Là hai, với nghĩa chung tình là ba.
 Đều là đường cái người ta,
 Là cầu nơi đó, ai qua mới từng.
 5 Tình duyên hai chữ nhắc bằng,
 Há rằng duyên-chương, há rằng tình-si.
 Chuyện xưa còn đó thiếu chi,
 Đêm thanh vui chén muốn ghi nổi mình.
 Cho hay là thói có tình,
 Chiêm bao lần quất năm canh lần lần.

2. — Cuộc xem đèn ở Phù-thạch

Nhớ xưa năm Ty, tháng Dần,
 Thường xuân vừa gặp, trửa tuần tròn trắng
 Thăng-du tiện nẻo quan đăng,
 Trông vơi non Liễu, bằng chừng dặm hoa.
 10 Trời hôm xuân nhuộm màu da,
 Cơn mưa rửa tuyết, trận hà cuốn mây.
 Chim về xao xác lá cây,
 Rừng đông đã thấy tròn xoay bóng thiềm.
 Lửa dầu thấp thoáng trong rèm,
 Như đưa hương xạ, như đem khói tuyền.
 Đá đầu lấp ló trửa đông,
 Như bay hoa sóng, như chông gương nga.
 Thành đầu xây đắp yên-hà,
 Đỉnh non nền cũ, bóng cờ bụi sương.

2. *Hoa-liên*: Cũng liễu đầu bạc mà lăm tuổi xanh.

3. *Kiều*: duyên hội-ngộ, đức cù lao. Nên chú ý đến cách đặt ý vượt cầu.

4. *Cầu nơi*: tên cầu bắc bằng một tám ván hẹp để trong cạn đi xuống thuyền.

5. *Nhắc*: nhắc cần đề so sánh. *Duyên-hương*: nghiệp chương về duyên.

7. *Kieu*: cho hay là thói hữu-tình. Chữ tình và chữ chiêm-bao dùng ở đoạn nhập-đề là gồm hết các ý hồi sau.

8. *Năm-ty*: kỷ tị (1809) *Trùng-dần*: tháng giêng.

9. *Thăng-du*: chơi thú. *Quan đăng*: xem đèn. *Non Liễu*: núi Cung sơn ở gần Dương-liêu, tục gọi tắt là Liễu.

10. *Hà*: ráng. Núi trời có ráng như cuốn mây lên thấy cảnh ở sau. Tả rất hay.

11. *Rừng đông*: núi Hồng - Lĩnh. Núi trắng lên trên đỉnh núi Hồng Lĩnh.

12. *Lửa*: là hương đèn trong các phủ. Câu này tả phủ câu 13 tả bến Phù-thạch, câu 14 tả Lam-thành, câu 15 tả đến Thiên hậu.

13. *Đá*: gành Phù-thạch. Mũi sóng đánh vào đá tung bọt như hoa và nước dờn thành ngấn nên bóng trắng chông thành lớp.

14. *Cờ*: Lam-thành trên núi Nghê-liệt. Cờ-cờ: trên đỉnh núi còn có kỳ-dài, nhưng cờ nay đã mất (cờ cũ bụi sương).

15. Đèn dầu lẳng dẫu khơi hương,
 Bề Liêu công trước, vàng tương mai tàu.
 Lăn theo ngọn nước lâu lâu,
 Gió lay chiếc cọc, thuyền mau lướt chài.
 Trong gương ai khảm cảnh mai,
 Dưới mây ai ném một vãi lưu-tinh.
 Phồn-hoa nổi ánh thị-thành,
 Nay Phù-thạch phò là danh lịch triều.
 Thủ phong-lưu cũng ít nhiều,
 Đèn chong vẽ tỏ, lò thiêu bụi trần.
 20 Vững doi trai mấy xây văn,
 Dập dìu còn đó với xuập để nào!
 Thảo mà cánh điệp, lá đào,
 Đi về Vu Giáp ra vào Vũ-lăng.
 Một trời hoa cỏ lằng lằng,
 Mơ-màng mưa Sở gió Đằng đầu dầy.
 Chiều xuân chuốc chén vui đây,
 Thử xem người tỉnh người say mới là.

3. — Thuyền ngược dòng sông

Dạ men vừa sánh giọng trà,
 Nhà lan treo tháp, doanh La xuống thuyền
 25 Gió xuân rút cánh bướm duyên,
 Thiều-quang chín chục, vân-yên một chèo.

15. Đèn Thiên-hậu của khách trú thờ bà « vợ vua Tống » do cái mất nước chạy trốn ngoài bể rồi chết đuối. Sau bà hay cứu thuyền buôn bị bão

Bề Liêu: Liễu hải. *Vàng tương*: vàng thiếp, xem câu 59 *Tàu*: mái nhà. *Hà*: ráng. *Mây*: mây tây chỉ để bóng tàu xế trắng. *Kieu*: bóng tàu vừa lật về ngân.

17. *Khảm*: cắm. Núi trước trăng có cảnh cây như cắm cảnh vào trong trăng, và sao sa trên trời như ai cắm sao mà ném. Tả rất ly-kỳ và hay.

19. *Vẽ*: vẽ sáng. *Chong*: thấp luôn. *Kieu*: Đèn chong trắng đĩa, lệ tràn thấm khăn

20. *Doi*: cồn cát trửa sông. *Hoa-liên*: đầu đôi bay lượn, cuối gành nổi đầu.

21. *Cánh-diệp*: mộng. *Vu Giáp*: nói mộng thấy thần-nữ. *Lá-lào* và *Vũ-lăng*: nói về đi tới chỗ tiên; do tích Đào tiềm. Từ câu 18 đến đây ý nói phủ Phù-thạch nổi tiếng đã lâu đời, cũng có thể gọi là chỗ phong-lưu. Đầu bà xây văn, mà ngày xuân vẫn dập dìu như thế đã dễ đầu. Chả trách chỉ ai cũng mơ tưởng đến đó để hưởng thú thần tiên.

22. *Mưa*, *Sở* gió *Đằng*: mưa và gió, nói cách lịch sự.

23. *Chiều xuân*: theo xuân-ý. Có bản chép: đức chén.

24. *Dạ men*: hết mùi rượu. *S nh*: cùng uống. *Giọng*: trà; vị trà. *Kieu*: chén hà sánh giọng quỳnh tương. *Nhà lan*: nhà bạn, *Tr o t áp*: cất giường. *Doanh La*: sông La-giang, đây cũng là Lam-giang. Câu này ý nói. Tỉnh rượu thì uống trà. Xong xuống thuyền trên La-giang.

25. *Thiều-quang chín chục*: mùa xuân 30 ngày. *Kieu*: Thiều-quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Bến tỉnh thẳng nhỏ con neo,
 Đầu mai yển vắn, mạn chèo oanh đưa.
 Thanh thoi bầu rượu túi thơ,
 Ngón đàn khiên-hừng, nước cờ giải-mê.
 Nào nùng vượn suối hoa-khe,
 Với người dường có vã-vê chữ tình.
 Phong-quang tám bức vén tranh,
 Bình non mướt khảm, gương doanh lét tỏ.
 30 Bến nam liễu bá con đò ;
 Mảnh mây viễn-phố, cánh cò hàn-sa.
 Ngàn đông khói lẫn lạc-hà ;
 Giọt mưa cô-thụ, tiếng gà cô-thôn.
 Vó câu pha gió nhẹ bon,
 Bền lâu thử hỏi hoàng-hôn địch nào.
 Trời tây bóng hạc non sào,
 Đường rêu khách quạnh lối vào Thiên-thai
 No xem góc bể bên trời,
 Một xuân biết mấy mươi nơi dập diu.
 35 Đòi cơn giốc-mục, ca-tiểu,
 Cần hòm mấy cán, toi chiều nửa manh.
 Thanh-thời gió mát trắng thanh,
 Này đầm Đồng-lại, nọ ghềnh Bàn-khe.
 Mảng vui sào cạy mái phê,
 Doanh Ngân, bóng thổ đã xê ngang đầu.

26. *Mai*: mai thuyền. *Mạn*: bên. *Yển, oanh*: chim mùa xuân. Đây nói chim bay vắn vút quanh thuyền. Như vậy thì lúc bấy giờ còn ban ngày. Vay đoạn trên tả trắng sao là tái đêm hôm trước. Ông ở lại Phù-thạch một đêm xem hội đèn của khách-trú rồi mới ngược lên Nam-đường.

28. *Vã vè*: ham mê, quyến luyến.

29. Câu lục ý nói: cảnh tượng bốn bề phong quang. *Lét*: dóm trộm. *Hoa-tiên*: lối chùng khơi ngắt bóng dương... Câu bát ý nói, cây mọc trên núi như-miền núi làm bình đồ cắm, mặt nước phẳng như gương, có thể nhìn mà tô-diểm được.

30. *Bá*: tám, đỉnh. *Hàn sa*: bãi cát hiu quạnh, lạnh lẽo.

31. *Lạc hà*: ráng còn dương tan. Hai câu này tả cảnh rất hay, và đối nhau rất chính, tiểu-đối cũng rất cân.

32. *Địch*: tiếng sáo. Ý câu: tả ngựa chạy xông gió, địch thời bên lâu lúc hoàng hôn.

33. *Bóng hạc non sào*: mặt trời xuống còn chưa đến một cây sào nữa.

34. *No*: chán. Câu bát ý nói: nhiều nơi dập diu, đề bắt ý những câu sau.

35. Các bản đều chép ngư-tiểu. Nhưng *giốc mục, ngư, tiểu* thì không hợp. Đây chắc là vì câu *mục-địch, ngư-ca* mà có câu này. Người sau thấy câu bát có: *cần hòm mấy cán*, mà chữa lại ngư-tiểu. Nhưng như thế thì câu lục lại không chính nữa.

36. *Đồng-lại*: chỗ ông Nghiêm-lãng câu. *Bàn-khe*: chỗ ông Lữ-vọng câu. Đây nói chỗ ăn-dặt.

37. *Sào cạy*: lấy sào mà đẩy cho mũi thuyền quay sang tay trái. *Mái phê* là mái chèo lướt trên mặt nước. *Doanh-Ngân*: sông Ngân-Hà. *Bóng thổ*: bóng trăng. *Xê*: dịch.

Nài xuân chén những kéo mau,
 Tưởng duyên kỳ-ngộ, ngâm câu Vỹ-đường.
 Này này quế-trạo lan-tương,
 Vì đua Xích-bích chi nhường Đông-pha.

4. — Mộng đến Mai-dinh

40 Say sưa đòi thú lân la,
 Giang-thành đã đóng canh gà sang tư.
 Giấc hòe thiếp thiếp lẫn mơ,
 Trong mơ mộng thấy tình cờ lạ sao.
 Tưởng mình lạc lối nguồn Đào,
 Khi ra Động-khâu, khi vào Bồng-doanh.
 Đòi nơi chim lá hoa cành,
 Dường chiều đón rước, ra tình rủ-rẻ.
 Mấy chùm len lối sơn-khe,
 Dòng ngăn thú dật, vách che bụi trần.
 45 Lối quanh hoa-kính lần lần,
 Cảnh tiên riêng để tay thần mở mang.
 Bầu trời rẽ chiếm thanh-quang,
 Nẻo xa trông tỏ mấy trang lão-tùng.
 Dưới tùng có gác Nghinh-phong,
 Cách chừng những tưởng phạm-cung bảo-đài.
 Bể chừng dạo bước tới nơi,
 Trường sau ngàn gốc thảo-mai theo thành.
 Biển dâu nét tạc rành rành,
 Đề ba chữ «Thường-mai-dinh» vàng tương.

5. — Thiếu nữ đề thơ

50 Trong đình bốn báu sẵn sàng,
 Cánh mây mới thảo, ngòi sương chữa rời.
 (Xem tiếp trang 24)

38. *Nài, Kéo*: này, mời mời. *Hoa-tiên*: hầu vui chén hời kéo mau. *Mau*: nhặt. *Vỹ-đường*: sông Vỹ. Câu thơ Vương duy đưa sứ sang Tây-an, đi trên sông.

39. Thuyền lan chèo quế. *Tương*: chèo. Câu ấy lấy trong bài phú Xích-bích của Tô-đông-Pha.

40. *Giang thành*: thành trên sông. Có lẽ thành Sa-nam.

42. *Nguồn-đào, Động-khâu, Bồng-doanh* đều là chỗ Tiên.

43. *Đòi nơi*: nhiều nơi.

44. Chờm cây mọc xen đá trên bờ khe. *Thú dật*: thú ăn-dặt.

45. *Hoa kính*: đường hai bên có hoa. Có bản chép «riêng đợi tay...»

46. *Rẽ*: riêng. *Hoa-tiên*: bầu trời riêng chiếm phong-quang. *Trang lão-tùng*: cõi lão-tùng.

47. *Nghinh-phong*: hóng gió. *Phạm cung, bảo-đài*: cung phật, đài tiên.

48. *Tảo mai*: nài mai nở hoa sớm.

49. *Thường mai dinh*: đình để thường thức hoa mai. *Vàng tương*: xem câu 15.

50. *Bốn báu* là giấy, bút, mực, nghiên. *Cánh mây*: giấy. *Ngòi sương*: bút.

VĂN CHƯƠNG VÀ KHẢO LUẬN (QUA NĂM 1942)

DIỆU ANH

điem cũ. Nghệ thuật và tư tưởng đều vươn tới trang nghiêm hơn, sâu sắc hơn. Chiến tranh không hiến cho văn chương Việt Nam những đề luận, những hoàn cảnh đặc biệt mà nhà tiểu thuyết hoặc nhà thơ vội chiếm bám lấy. (Chưa có nước mắt trên mi người chinh phụ, nghẹn ngào trước bóng ngựa

TRONG buổi chiến tranh, ở một nước đã biến thành chiến địa, sự sáng tạo các tác phẩm về tư tưởng thường sút kém, bị tê liệt hẳn. Có khi người ta chỉ gặp các sách viết vội vàng, hấp tấp, để giải quyết những vấn đề thực nghiệm cần kíp, một thứ văn chương chính trị tạm thời và một thứ văn chương biểu lộ tức giận hoặc sầu muộn. Sau khi chiến tranh đã yên thường văn chương cũng đổi tính cách, đổi xu hướng. Binh đao cho người ta hiểu, qua khói lửa và máu xương, giá trị của những ý tưởng lưu hành trước khi chiến tranh. Ta có thể đoán trước được rằng nền văn chương xu hướng về cá nhân ở Pháp, sau khi cuộc binh lửa này hết, sẽ nhường chỗ cho một quan niệm văn chương theo đuổi những mục đích khác trạng thực tế xã-hội hơn. Sau cuộc binh lửa năm 1870, nhà văn sĩ A. Dumas đã viết ở tựa quyền « La femme de Claude »: « Lúc này không còn là lúc sáng tạo những văn chương chơi đùa nữa. Giờ phút này nghiêm trọng, giờ phút này ta phải nghĩ đến việc kiến thiết tương lai ».....

Nước ta, tuy đã trải qua những lo sợ của thời đại, tuy đã biết một chút những họa xương máu của chiến tranh, nhưng còn may mắn là được sống trong một yên ổn mà ở nhiều nơi trong hoàn cầu, ở ngay các xứ sở láng giềng, người ta đã không được hưởng từ lâu. Bởi vậy sự sáng tạo về văn chương vẫn được thái bình che trở (tuy có điều giấy mực khan!) và giọng tư tưởng chung không bị cách mệnh một cách đột ngột và tàn ác. Tiếng súng nghe vọng ở xa xôi đã khiến ta phải suy nghĩ, tìm những con đường mới mà đi, sửa đổi lại một vài quan

khuất xa; không có cái thi vị sầu muộn của những cảnh hoang tàn sau khi thép lửa thăm tới).

Nhưng văn chương Việt nam có thay đổi tính cách trong ít lâu nay, sự đổi đã rõ rệt. Trước kia người ta xu hướng quá về một sự sáng tạo dễ dãi, khinh bỏ sự khảo cứu và trọng thực. Trong bao nhiêu năm ta vẫn chịu đựng được sự mơ hồ, giản ước trong mọi ngành học thuật và nghệ thuật. Người ta lầm tưởng rằng cấu tạo một tác phẩm nghệ thuật là công việc của tài năng, mà tài năng không cần có liên lạc với học thức. Người ta ưa dao cho sâu và rộng thêm cái hồ chia biệt học giả (l'érudit) với nhà nghệ sĩ (l'artiste). Rồi những nhà làm thơ, bám víu vào một vài thi hứng giản dị của họ, nhất định không chịu học đòi người khác, rèn luyện cố gắng, để làm giàu nghệ thuật của mình; rồi họ bấu môi khinh bỉ những kẻ học rộng, những « một sách ». Rồi, cũng do một nguyên cớ ấy, sự kiêu hãnh đáng tức cười của một số người viết tiểu thuyết, làm drama ba quyền truyện vụng về, tự cho mình là một nhân vật lớn.

Văn biết không phải cứ cặm cụi khảo cứu, học hành thi trơ nên một nghệ sĩ đâu. Bao nhiêu nhà khảo cứu chỉ biết những con số, những việc vụn, không có tài xây dựng, cấu tạo từ những tài liệu góp nhặt được. Không phải cứ nam năm đọc sách bụi bặm trong các thư viện và tìm tòi trong các bảo tàng mà thành một nhà sử học. Muốn trở nên một sử gia, phải biết xây dựng, phải biết xếp đặt các vật liệu đã thu góp được, phải biết cho sự vật một linh hồn sống, và phải có tài viết văn, nói tóm lại phải là một nhà nghệ sĩ. Nhưng

VĂN CHƯƠNG VÀ KHẢO LUẬN

căn cứ vào một sự nhận xét ấy mà suy luận ngược lại bảo nhà nghệ sĩ không cần phải có kiến thức rộng rãi thì thực là lầm. Có kẻ chất phác đã dám bảo Anatole France ít học (bởi ông ta chỉ đỗ tú tài), vì đã không bao giờ đọc Anatole France, vì đã lầm cái thực học với cái học khoa cử, vì đã không hiểu rằng Anatole France tinh thông sử ký và triết học hơn tất cả các ông thạc sĩ ở trường Cao Đẳng ra, và những quyển « La rôtisserie de la reine Pédauque », « Le jardin d'Épicure », « Les opinions de M. Jérôme Coignard » đã là những sản phẩm của một khối óc học thức uyên thâm.

Làm nhà thơ, làm nhà tiểu thuyết, phải có nhiều tình cảm, tưởng tượng, mà tình cảm, tưởng tượng được giàu mạnh một phần do ở giáo dục, ở học vấn. Khi người ta bảo không cần học vấn để làm văn, người ta thường nghĩ đến loại thơ và tiểu thuyết. Quan niệm ấy đã là lầm. Nó trở nên sai hẳn khi ta hiểu chữ « làm văn » theo nghĩa rộng : làm văn là viết sử ký, viết sách triết học, viết sách luận thuyết v.v... Có ai không có học vấn mà dám viết văn như vậy không?

Nhận thấy sự cần thiết của một căn bản học vấn làm tài liệu cho những sáng tác văn chương mới, nên các nhà làm việc về tinh thần Việt Nam gần đây đã cố gắng rất nhiều trong việc khảo cứu, suy luận và kiến thiết về tư tưởng. Các nhà học giả người Nam làm việc hoặc có chân ở trường Viễn-Đông bác cổ, và các nhà học giả tìm tòi nghiên cứu ở ngoài, đã hiến ta một ít tài liệu về sử ký, địa dư, phong tục, triết học và văn học. Người ta đã dần dần hiểu công dụng quý báu của chữ hán và sự cần phải học nó. Thời đại đã chịu quay nhìn về dĩ vãng sau khi hiểu rằng nhắm mắt theo những ảnh hưởng ngoài, mà tàn phá những kiến thiết của tổ tiên là một điều lầm lỗi lớn. Cái xu hướng mới ấy rất đáng mừng. Ở một trình độ sây dựng cao hơn, có người đã muốn lập những tùng thư để phổ thông những ngành học thuật cổ, kim, đông, tây. Nhưng ở phạm vi này nhân tài còn thiếu thốn nhiều lắm, vì

thiếu người chuyên môn có đủ học vấn và tài nghệ. Sách triết học có xuất bản đầy (nói về học thuyết Lão-tử.v.v...) nhưng hoặc lỗi phô diễn tư tưởng còn vụng về và tối tăm quá đỗi, mặc dầu rằng một vài tác giả có thực học, hoặc nó chỉ là sự phiên dịch thiếu sót của những sách viết bằng văn tây. Dưới cái nhan đề « Triết học sử » đồ sộ và không khiếm tốn chút nào, tôi đã được đọc mấy quyển sách mỏng dính có vẽ hình Socrate và Platon, tóm tắt cái triết học của « Pi-ta-go-rơ » (Pythagore) và của « Ta lét sơ đờ mi lê » (!) (Thalès de Milet) trong mấy chục giòng, tựa như một cuốn sách cho trẻ con đọc mà đến người lớn, đã biết triết học cũng không hiểu ! Nhà xuất bản giàu ý tốt nào đó đã hấp tấp mở một tùng thư, chia ngăn các ngành hoạt động. (nào sử học, triết học, luật học,...) rồi ông hấp tấp chạy đi tìm người viết giúp, và gặp người đầu tiên sốt sắng ở đầu phố ấy là được một chủ biên rồi !

Sau những đợt dề của các học giả ước viết một cuốn văn học sử việt nam, sự mạnh bạo của ông Nguyễn đồng Chi tác giả cuốn « Việt nam Cổ văn học sử » đã là một việc làm có ích và một công trình nghiên cứu công phu. Những sưu tầm của ông Đào duy Anh, ông Trần văn Giáp, ông Nguyễn văn Tố, ông Nguyễn văn Huyền.v.v... Đọc giả đã đều rõ. Chúng ta mong rằng nhiều nhà học giả nữa sẽ hiến cho ta những công trình khảo cứu có giá trị. Trong năm qua ta đã thấy lác đác có những thiên khảo cứu, cáo luận và phê bình về một thời đại, một văn nghiệp, một tác phẩm, một vài công trình phân tích và tổng hợp đáng chú ý.

Sự sôn sa hoạt động ấy cho ta tin ở tương lai của văn chương Việt nam. Một chiệu chứng khác nữa cũng khiến ta mừng là một số các thanh niên tân học đã biết yêu quốc văn và viết quốc văn. Có một thời người ta trọng chữ hán mà khinh chữ việt ; rồi lại có một thời những ông đi du học bên Pháp về, coi rẻ tiếng mẹ đẻ, và nhất định muốn người ta hiểu rằng mình « nói và viết tiếng Pháp thạo hơn tiếng Việt-nam ». Cũng như ở Pháp vào thời Phục

VĂN CHƯƠNG VÀ KHẢO LUẬN

hưng, Turnèbe đã cho rằng «tiếng Pháp không đáng dùng để viết văn». Ngày nay thanh niên trí thức đã hiểu rõ rằng bốn phận người Việt nam là phải chau dồi tiếng mẹ đẻ, làm cho nó giàu mạnh hơn lên, để có thể mang được đủ mọi tinh tình và tư tưởng. Nhóm người viết báo Khoa Học đã cho công chúng biết sự cố gắng đáng khen của họ để luyện cho tiếng Việt phổ biến được những tư tưởng và thực trạng của khoa học tối tân. Trong phạm vi văn chương cũng vậy, thanh niên tân học đã biết yêu quốc văn, đã ham sáng tác bằng quốc văn, và một số kẻ có tài đã dung hòa được cái mềm mại cổ hữu của Việt văn với các đức tính sáng láng, rõ rệt và quy củ của Pháp văn.

Những ưa thích của độc giả cũng có chút thay đổi. Người ta đã chịu suy nghĩ và không sợ hãi các tác phẩm bắt người đọc phải làm việc nhiều về tinh thần. Những sách có tính cách nghiêm trang về tư tưởng đã được nhiều người đọc hơn trước (trong số đó ta không nên quên quyển « Xuân thu nhĩ tập, » gồm những tiểu luận về nghệ thuật và những bài thơ của hai ông Nguyễn xuân Sanh và Phạm văn Hạng). Ở thi ca đã bớt những điều ong bướm

loại lả, và ở tiểu thuyết, những vấn đề xã hội và tâm lý đã được bàn nhiều.

Xét đến hai loại thơ và tiểu thuyết được đại công chúng chú ý hơn các loại khác, thì ta thấy tiểu thuyết trong năm vừa qua không thêm tác phẩm nào thực đặc biệt xuất sắc, còn về thơ thì tựa như có một sự nghỉ ngơi tạm thời và triệu chứng sự nẩy nở của một vài thi nghệ mới. Quyển « Thi nhân Việt nam 1932-1941 » của Hoài Thanh và Hoài Chân hầu như thực đã đánh dấu hết cho một thời đại thi ca.

Đã bao năm trở nài sự thu góp tài liệu về học thuật, chỉ theo đuổi những sang tác ngẫu nhiên, không thống hệ, ngày nay thời nhân sốt sắng với sự khảo cứu, sự sưu tầm tài liệu, sự suy nghĩ sâu sắc, đề gây nên cho tư tưởng và cho nghệ thuật một nền móng chắc chắn thay cho những hao nháng mong manh bề ngoài. Thời đại đang tìm đường, đang sửa soạn và vẫn còn đang bối rối. Ta mong rằng ở sự hỗn độn hiện tại sẽ nẩy ra trật tự ngày mai, và một tương lai nghệ thuật rực rỡ.

DIỆU ANH

MỘT QUYỂN SÁCH ĐÃ ĐƯỢC DƯ LUẬN ĐẶC BIỆT CHÚ Ý :

THI NHÂN VIỆT-NAM (1932-1941)

Các sách phê bình văn chương vẫn có thể coi là hiếm... Có lẽ những điều kiện học vấn chưa có đủ ở nhiều nhà phê-bình Việt-nam hiện đại, nên vì thế khoa phê-bình ở văn chương ta chưa được phát triển hoàn toàn. Gần đây các ông HOÀI-HANH và HOÀI-CHÂN mới xuất bản một cuốn sách phê bình về thi-sĩ Việt-nam hiện đại (Thi nhân Việt-nam 1932-1941). Tác-phẩm ấy chủ g tỏ một k uyên hướng mới sự khảo-xét các hiện tượng ở văn-chương và rất đáng để ta chú ý.

THANH-NGHỊ

...Lời chân-thành và luận mạt của hai ông có một giọng hồn hậu khiến lòng người hớn hở và những khuyến-hướng khác nhau trong làng thơ cũng nhìn nhau đôi mắt cười.

TRẦN LỮ

... Cái câu Kiều, đề lên đầu sách tôi cũng ngẫm đi ngẫm lại và lấy làm đặc ý như anh. « (ủa tin gọi một chút này làm ghi », chút này là quyển sách tha thiết của anh, chủ đề này cũng là thơ cũng là thơ củ tất cả chúng tôi, mấy chục thi-sĩ của thời đại.

HUY-CẬN

Còn hiểu lời phẩm-bình khác, hoặc khen hoặc chê, muốn biết xin hỏi « prospectus » ở các hàng sách hoặc ở nhà xuất bản.

ĐÃ CÓ BÁN : THI NHÂN VIỆT-NAM, in lần thứ h i

Hơn 400 trang — gần 40 bức ảnh — Bìa của họa-sĩ NGUYỄN BỔ-CUNG giá bán loại thường 4\$25, loại bouffant 7\$ loại vergé baroque crème 20\$. Xin gửi thêm 0\$50 tiền cước.

NGUYỄN ĐỨC PHIÊN xuất bản

Boite postale 34 Huế

Dù cho lên thác xuống ghềnh,
Thầy chung đã nguyện với anh đến già
... thì đường muôn dặm bao xa ! ...

Vì cái bọn con sâu làm rầu nồi canh mà chính phủ Pháp năm, ba năm lại có một lần phải cho đầy ra những thuộc địa xa xôi như Guyane (Nam Mỹ) và Nouvelle Calédonie (trong Thái Bình dương) những người tù đã nhiều lần can án giết người, cướp của, làm loạn, phá rối...

Đây tức là hạng người xã-hội cho là quá nguy hiểm... Và tòa-án cho là quân bất-trị...

Nhưng bất-trị hay nguy-hiểm, họ cũng là người đáng cho ta... tiêu-triệt.

Họ, những người tù biệt xứ, phần đông cũng biết thân, biết trốn tránh là vô ích, là tự gây thêm họa cho mình, biết làm thân tù đầy là phải yên phận không được tham muốn, phải tu tâm, cố ăn ở làm sao cho được lòng mọi người để còn mong một ngày kia được « cưới vợ ».

Mà cưới vợ tức là lập gia đình, đẻ sinh con nối dõi.

Nói đến con (không kể trai hay gái) của người tù đi đầy, tôi thấy ngại-ngùng thế nào ấy.

Vì tôi không quên cái lai lịch đầy tội-ác, đầy âm-muội của những người sinh ra chúng (cha cũng như mẹ).

Vì tôi còn biết những trẻ bị trời đầy... ấy — hầu hết tính nết không phải đều giống cha mẹ, nghĩa là còn có một số muốn thoát ly gia đình tìm phương tự-lập để sống cuộc đời ngằn-nấp, lương thiện hơn.

Nhưng bao vây chung quanh có những bức thành kiến đầy-đặc của công-chúng (thứ công-chúng nghiêm khắc đến tàn-nhẫn, bất công) chúng còn biết xử-trí làm sao ?

Thế là ngay từ thừa lọt lòng mẹ, chúng đã phải chịu tiếng « tù-tội » và trọn đời, chúng đành chịu mang tiếng ấy mặc dầu chúng cũng có trí tuệ, tài-cán như ai...

Người tù đi-đầy có thể xin phép cưới vợ — !...

Câu chuyện nói ra ít có người tin, nhưng sự thực có thể, sự thực đã có nhiều người tù biệt xứ nhờ sớm biết ăn-năn, được xếp khám cho phép cưới vợ tại nhà giam trước ngày lên đường... biệt xứ.

Ở đây, muốn các bạn tin, tôi xin đem dẫn chứng một chuyện làm phép cưới của một trong số người bất hạnh ấy, một chuyện mà chính tôi đã được thấy tận mắt (tại một phòng của khám « La Santé ») một chuyện mà bây giờ nhắc đến, tôi còn thấy thương cảm, não-nùng...

Thì mới tưởng-tượng... cái quang-cảnh của lễ cưới làm tại nhà giam... chúng ta đã thấy. Âm đảm thế lương rồi.

Lễ cưới làm ở giữa bốn bức tường tối-đen, thấp hẹp, người đến chứng-kiến (thay mặt họ nhà trai)

MỘT NGÀY VUI HO'N TẾT CỦA KẺ BỊ ĐI ĐẦY CHUNG THÂN

Truyện phỏng dịch

của YÊN SƠN

là mấy chú lính canh ; vì tính tọc mạch, họ đến xem cho biết mặt cô dâu...

Cô dâu cũng một thứ sắc-phục như phần đông các cô dâu nhưng về mặt buồn thẹn nhất là buồn — bực lộ ra thấy nhiều hơn. Cô dâu đứng bên cạnh chú rể, quần áo bận như ngày thường, hai thứ sắc phục (trắng không đi đôi với sẫm) tương-phản rõ rệt, lại thêm quang cảnh rục rờ vì đèn nến, vẻ bận-tộn của mấy người dự-thình (thay mặt họ nhà gái) sự vui mừng thoáng qua trên nét mặt mọi người.

Tôi nói thoáng qua vì ý-nghĩa của lễ cưới đây nó chưa cho phép người ta được vui-cười thành-thực.

Cho đến cuộc phối hiệp của bác Bricon, người thuộc đảng chống đế quốc, với cô Marie cũng vậy

Cặp tình-nhân này quen biết nhau từ mười năm trước khi xảy ra vụ trộm cốt mìn ở Soisy Sous-Eti-oles mà bác là người chủ-muru,

Vụ trộm to-tát, quan hệ đến nổi toàn thể báo giới ở Pháp hồi đó đều phải nhắc bàn đến. —

Kết-quả 10 năm ân-ái đã đem đến cho cặp nhân-tình một đứa con gái...

Từ chủ-muru đến thủ-phạm của vụ trộm cốt mìn sau khi vào lưới pháp luật đều bị phạt nặng mà nặng hơn cả bao giờ cũng là người chủ muru.

Trái lại cô Marie, tòa xét vô can nên được tha-bồng.

Vì tình yêu thương, vì lòng chung-thủy, cô nhất định theo bác...

Theo bác để sống cuộc đời đi đầy ở đảo Nonvelle Calédonie.

Và muốn theo, còn phải đến sở mật thám xin giấy phép ; ở đây như có người biết lo ngại giùm cô.

Nhưng một khi cô đã quyết.

— « Ngài chẳng nên hỏi tôi điều ấy. Nếu ngài « cũng được biết chàng như tôi, tôi đã sống bên « chàng trên mười năm, mười năm mà chưa có « một lần tôi phải than-trách vì chàng. Tôi chỉ « thấy chàng là người đáng thương, đáng thương vì cảnh-ngộ... »

« Ngày nay chàng bị vận hạn như vậy, ngài lại « muốn tôi đừng nghĩ đến chàng, đừng thiết-tha. « lo lắng vì chàng... ? »

Toà án sẵn lòng chấp đơn xin cưới của bác Bricon nhưng không muốn bọn đồng-chí của bác thừa dịp làm biểu-tình « phá rối » nên tòa phải hoãn đến sáng hôm làm lễ cưới mới cho cô Marie hay tin.

Tám giờ, cô vừa đi chợ về thì đụng đầu hai chú lính.

— « Chào bác Bricon, chúng tôi đến cho bác biết « một tin mừng... Tòa nhận đứng làm chủ hôn và « lát nữa sẽ làm phép cưới cho hai bác đấy — Bác « nên sửa soạn ngay cho kịp đi theo chúng tôi — »

Chẳng để họ phải đợi lâu, không đầy năm phút đã thay xong và tìm bộ đồ mới mặc cho con.

Chính ra, phép cưới phải làm ở tòa Đốc lý nhưng ở đây, tòa lại cho làm ở phòng giấy của ông lục-sự (bên cạnh khám giam) cũng vì lẽ tòa muốn tránh cuộc biểu-tình... nói trên...

Trống khi làm phép, theo đúng điều lệ, người ta phải mở rộng các cửa lớn-nhỏ nhưng cần-thận, người ta không quên cho lính bông-súng đứng ba mặt coi chừng.

Chủ-hôn là ông Demay, ông đi thay mặt quan Đốc-lý. Ông đến trước cô-dâu, ở đây ông gặp ông xếp khám, hai người châm thuốc hút ngồi đợi.

Đợi có mặt cô dâu rồi người ta mới cho dẫn chú rể đến... Quần áo của chú rể, người ta vẫn để nguyên bộ đồ sẫm như ngày thường, nhưng để tóc râu... dài-rậm của chú rể thì người ta không nề... nên người ta mới cho phép chú-dễ sửa soạn từ đêm trước. . Cô dâu được giáp mặt chú rể đáng lẽ phải mừng thì ở đây cô lại khóc vì sắc diện hây vì y-phục chú rể?... Thấy cô khóc, bác Bricon phải quay mặt đi cầm giọt lệ.

Làm chứng có bốn người lính canh. Trước bàn giấy của ông Lục sự, người ta cũng để mấy cái ghế, theo kiểu ghế đặt ở tòa Đốc-lý ngày lễ cưới.

Bằng một vẻ trịnh trọng, ông Demay đứng trên bục gỗ đặt quyển sách luật trên bàn. Ông mở đúng trang nói về đạo vợ chồng ông đưa mắt nhìn mọi người trước khi lên tiếng.

Theo thường lệ, ở đây ông cũng nhắc chồng, cái hôn phạt phải nuôi nấng che chở vợ, và nhắc vợ cái hôn phạt không được xa chồng một bước.

Tóm lại trước khi ngừng ông cũng luyến bổ cặp vợ chồng được *xum hợp* từ đây

Nghe ông nhắc đến hai tiếng *xum hợp* mà ông không ngờ có nghĩa mỉa-mai ở trường hợp này, tôi thấy khó chịu quá.

... *Aum hợp* gì ở cặp vợ chồng một tháng được thấy mặt nhau vài lần, thấy ở chỗ tù-tội và đứng trước song sắt để nói truyện ân tình với nhau. ! ?

Nhờ ông xếp khám là người có độ lượng nên lễ cưới của vợ chồng bác Bricon hôm ấy tuy không được trọn vui cũng không đến nỗi buồn tẻ.

Ông đã xuất tiền túi để thiết tiệc cặp uyên ương. Ngoài những món ăn hảo hạng, ông lại còn đãi í ac ta hai cốc rượu mạnh và điếu một xì-gà.

Phải biết giá trị một điếu xì gà ở chỗ này, chỗ người ta nghiêm cấm hút thuốc; và hút thuốc với người tù một khi đã thành thói quen !

Phải biết giá trị một bữa tiệc với người tù bị cấm thịt có hăng nam, cho có dịp thấy rõ tấm lòng hào hiệp của ông xếp khám. Sau bữa tiệc bác Bricon kéo ghế ngồi sát vai vợ rồi bồng con lên đặt trên gối.

Marie âu yếm đưa tay ba cổ chồng, và cũng như những cặp uyên ương khác, cô đã thủ-thỉ bên tai chồng đủ lời dịu-dàng êm-ái.

Đáp lại mối tình chân thành của vợ, bác Bricon đã cho vợ hay những nguyện vọng tha thiết của mình hay đúng hơn là những việc dự định về cuộc đời mới.

Trước cảnh vợ chồng kẻ vai sát má ấy, người ta còn ai phải bận lòng vì tương lai, thân thế của người tù bệ-xử nữa.

Phải chăng đây là sự xếp đặt của thiên công, xếp đặt làm sao cho người ta cũng không đến nỗi phải thất vọng, người ta còn thấy sinh thú, còn thấy an ủi và còn lòng gắng gỏi yêu đương.

Các bạn chưa tin, thì hãy nghe đây những lời khi khải của người vợ khuyên chồng sắp đến ngày phải lên đường biệt xứ...

— « Anh Bricon ơi, anh nên tin trời không đóng « cửa mãi nhà ai. Cuộc đời của chúng ta ở ngoài « ấy, với những việc dự định của anh, em tưởng « tượng đã thấy dễ chịu hơn ở đây rồi, thì cái khổ phải xa nhau chỉ còn có tư nay đến ngày ấy.

« Anh người biết lo lam an, em tin quan trên sẽ « cho anh là người tốt, người được phép đem vợ « con theo. Ngày ấy không xa, rồi với miếng đất « nhà nước cho vợ chồng ta khai-khẩn ở ngoài ấy « chung ta nhờ trời cho mạnh chân khỏe tay, chúng « ta sẽ chẳng lo chết đói. chúng ta sẽ thừa sức nuôi mình và nuôi con »...

Bác Bricon lặng thinh nghe vợ nói mà cặp mắt thì hoen lệ « Chàng quá cảm-động chỉ biết ôm ghì lấy con ».

(Xem tiếp trang 21)

<https://tieulun.hopto.org>

(Tiếp theo số 28)

Năm 1925 vào lúc cuối đời Hoàng Tôn Tuyên Hoàng-Đế đất Nam - Kỳ, trấn Gia-Định . . . có một ông huyện . . . tên là Khỏe. Ông huyện Khỏe là một người phú quý tốt bụng, hay gây ra nhiều điều phúc đức. Lúc trẻ tráng, cái ngồng lối hóm của ông huyện Khỏe lại . . . vô địch nữa. Điền địa của cha mẹ để lại cho thì là bờ xôi ruộng mật, đều là nhất đẳng điền cả. Thủa ấy ông thực là công tử số một, chơi vàng cả một giới và đến

ngay đám công tử Bạc Liêu nghe đến danh ông thấy đều xanh cả mắt . . . Khoảng đời thiếu niên của ông huyện Khỏe, thật lúc nào cũng là vui như hội Tây. Đấy, ông huyện Khỏe vào lúc thiếu thời. Giờ ông đã có tuổi vẫn giàu có như xưa nhưng đã trở nên phải chẳng trong cử chỉ hằng ngày. Ông chỉ còn đi xe hơi hai mươi bốn ngựa thăm ruộng xa rộng như một đất phong cường và các nhà máy sà-phòng, gạo và dầu cù-là của ông rải rác ở khắp lục tỉnh. Người thương nhân này lúc về già lại còn buộc thêm vào cái đời con toán của mình một cái thị hiếu chơi những vật hiếm trên đời. Những đồ vật không cứ là đồ đẹp nếu là độc nhất vô nhị trên trần thì bao nhiêu ông huyện Khỏe cũng bỏ tiền ra mua. Và những bức có tài xem đồ cổ, ông đều giữ luôn trong nhà, lấy thứ lễ hạng nhất ra mà đãi. Trong đám thực khách nhà ông huyện Khỏe có một người tên là Chiêu Hiện được chủ nhân tin trọng lắm, coi gần như quản gia. Ông Chiêu Hiện quê vùng Phú Quốc, bỏ xứ Bắc vào trong Nam đã lâu, lúc bỏ nhà đi, có chỉ vào cái cầu Phụng mà thề độc rằng « bất thừa xa mã bất quá thử kiều » Ở Saigon được ít năm, ông Chiêu Hiện bị vướng vào một vụ cướp có án mạng tại Chợ Lớn... Chiêu Hiện thụ cái ơn ấy canh cánh ở bên lòng và tự nhủ trong suốt một đời thế nào cũng phải tìm lấy dịp để mà trả ơn lại ông Huyện nghĩa là lúc nào cũng nghĩ đến việc đi tìm vật báu cho ân nhân. Xứ Bắc kỳ cũng như về mặt nhân vật, về đường bảo vật vẫn còn nhiều cái lạ lắm. Đôi ba năm, Chiêu Hiện lại lộn về một lần để mục đích xem có thấy được cái gì không. Lần ấy lộn về Hà-Nội, không hiểu tại sao Chiêu Hiện lại thuộc cái sự tích phiến đá nghệ giấy nhà họ Chu làng Hồ-Khẩu, tìm có lần là rồi không rõ dùng chước thuật gì mà đánh tráo ngay phiến bạch thạch đó, đem về cho ông huyện Khỏe.

Thâu ngày thâu đêm, đá đã qua hết các gian

XÁC NGỌC LAM

Truyện ngắn
của NGUYỄN TUÂN

khẩu và những con đèo rất hiểm nghèo. Về đến biệt thự ông huyện Khỏe, đá bỗng vỡ với thời tiết ở đấy quanh năm nóng như lò nung vôi, đá bỗng dờ mờ hôi. Cầm chén rượu rũ bụi, lúc đã thông dong, ông Chiêu Hiện mới đứng lên kể lai lịch đá cho người ân nhân mình nghe. Và quả như lời ông Chiêu Hiện nói, đêm ấy lúc canh đã dịu lạnh, trong phiến đá có tiếng người hát giọng buồn. Không rõ lời, nhưng nghe cái âm điệu sái sáy, đến như ông huyện Khỏe

mà cũng sụt sùi. Chiêu Hiện bèn dẫn giảng rằng đấy là một trong những bài thương ở tập « Chu Ngũ Lương Nhân Hoài Khúc » của hồn đá làm ra từ lúc thiếu chồng. Tình hay khoe của, ông huyện Khỏe, ngay ngày hôm sau, gửi luôn thiệp danh đi mời các khách quý đến ăn tiệc và « xem một hòn đá biết sụt sùi trong đêm » Tàn rượu tiệc, có một cuộc dạ vũ. Chiêu Hiện mặc đồ lễ . . . ra xin với quan khách chỉ nên vui nhộn đến đúng giờ tỵ thôi, nếu có bụng tràn thành muốn nghe những tiếng thương xót của hòn đá « nó là cái cơ đẹp của buổi hợp hoan này ». Trong biệt thự im vắng và tắt hết điện chỉ còn leo lét có một ngọn đèn cầy. Sau đấy một giờ lòng đá lại như đêm trước bật nổi lên những tiếng tương tư thê thảm. Tân khách thấy đều rơi châu. Tờ mờ sớm, họ ra về và bắt chủ nhân phải hứa là có một ngày gần đấy phải cho họ được xem mặt người sương phụ trong đá kia. Và từ đêm ấy, còn tiếp theo bao nhiêu dạ hội khác. Mới hay, chẳng cứ là tiếng người mà cái tiếng ly khổ của hồn một phiến đá lương thiện có tình lại còn là cái cơ vui cho người đứng ngoài nữa.

Muốn đánh lừa Cô Dó phải nhằm lần về hoàn cảnh mới găt đề thỉnh thoảng hiện hình ra như trước, ông Chiêu Hiện đã xui ông huyện Khỏe cho đào cả hai bên biệt thự lên, một bên giả làm giòng con sông Tô Lịch, một bên giả làm vùng nước ven Tây Hồ, tiền nhân công tính theo lối nhà nước ngăn đập đập. Ngày lạc thành cái mầu hồ lộn sông và cái khúc sông giả vờ đó, lại tiệc yến. Những tân khách của những kỳ dạ hội cũ đã được nghe đá khóc thì bây giờ lại theo tróc cũ đến đây uống rượu nữa để xem mặt cái hồn đá sầu. Nửa đêm ấy, Cô Dó hiện ra thật, mình vẫn mặc tấm áo chàm như ngày ở rừng xưa, nhưng dưới gấu đã xé xơ ra cho nó thành tấm áo trăm thời và mở tóc tang rối như xơ dỏ vừa

ăn vôi. Có bao nhiêu người bưng bưng hơi rượu rải rác núp trong xó tối, khe trâm trở vơi nhau là đẹp và đoan chính đến bậc ấy là cùng

Cô Dó chập chòn trên nước sông đào, trên nước hồ đắp, tỉ mỉ rờ vào các lá cây thân cây quanh đấy. Cô thấy không phải là cây quen thuộc của xứ Bắc. Đây chỉ là những lá cành của kè, cọ, dừa Xiêm, vú sữa, măng cụt, sầu riêng thôi. Ngờ sợ đến một sự nguy hiểm của một chung thổ lạ, Cô lại vội lẫn ngay vào lòng đá trắng. Từ đấy không ra nữa và cũng ít khi lên tiếng như cậu Năm.

Sau đêm ấy ông Chiêu Hiền bỗng nấc lên mấy tiếng rồi là dần đi. Vực vào buồng bệnh, thấy Chiêu Hiền cứ mở thao láo mắt mà thiếp đi đã một ngày một đêm, ông Huyện Khỏe biết là chứng bệnh cũ của người quản gia lại phát lại và chỉ dặn người nhà phải ngày đêm túc trực nơi giường bệnh, ngâm giấy phen vào nước, cứ mỗi giờ lại đồ cho uống, chứ tịnh không phải thuốc thầy gì cả. Mọi khi vẫn thế. Nhưng lần này thì hơi phen hơn; là đã quá mười ngày rồi mà Chiêu Hiền không thấy tỉnh lại. Mọi lần trước chỉ ba bốn ngày đêm thôi. Bệnh này trong sách thuốc Y Dược Đại Toàn gọi là bệnh miên nhất khí và người nào hay có cái khiếu về hư linh học thì thường hay mắc phải.

Thế mà đến ngày thứ mười hai, Chiêu Hiền đã tỉnh lại. Nghe ông Huyện Khỏe thuật lại cho hay rằng mình ngủ đã mười hai đêm ngày có dư, Chiêu Hiền đã bốt đứng người dậy, kêu xong hai tiếng « Hồng rồi » thì lăn đùng ra giữa nền cẩm thạch, mồ hôi vã ra như tắm. Không hiểu là cái gì « hồng rồi », ông Huyện Khỏe mặt như chàm đỏ, sợ sệt nhìn con bệnh bây giờ đang lẫn lộn như có ai cấu rốn. Đến lúc tỉnh lại lần thứ hai, hai mắt đại đột Chiêu Hiền chán chường nhìn vào khoảng không và miệng—tiếng đã thất thanh, lại nhắc lại : « Hồng rồi », đầu lắc mãi như từ chối một cái gì. Chiêu Hiền tập tễnh bước lại chỗ đặt phiến đá trắng, áp tay vào mặt đá, áp tai vào mặt đá vậy ông Huyện Khỏe lại :

— « Đến phải đập vỡ đá này, thì may ra mới chữa được người trong ấy. Cô Dó không khéo chết mất rồi ông Huyện ạ ! ».

— Ông Chiêu nói chuyện cho tôi rõ đầu cuối vôi.

— Nguyên là thế này. Hòn đá này phải ăn chất vỏ dó. Thiếu đó thì cái người nằm khóc trong đó mọi ngày cho ông nghe sẽ phải chết khô. Ông nhều việc không hay để ý đến, chứ thực ra từ ngày mang đá về, tôi đã mang theo về bao nhiêu là vỏ vỏ dó để ngày ngày áp lên đá cho người trong đó ăn. Gần hết, tôi lại đánh giấy ra Bắc cho người bà con gửi vào. Từ hôm bị bệnh, đột ngột nằm xuống, không kịp dặn ai thay cho việc bón đá, đến nay là quá mười ngày, người trong ấy chết đói rồi chứ còn gì nữa.

— Vây bay giờ nếu phải đập phiến bạch thạch ra để cứu lấy người trong đó thì ông cứ tùy tiện mà làm.

Một nhát búa. Một tiếng xé rất khô gọn và ít mảnh vỡ bầu vung lên. Hòn đá chẻ ra làm hai theo chiều ngang và phần trên khi đã bật ra thì quỹ thần ói ! có một người đàn bà rất xinh đẹp đang nằm ngủ. Nàng mặc một cái áo lam, xiêm cũng màu lam. Lúc ông Chiêu Hiền đã nhẹ nhàng lăm nàng ra đặt lên giường thì mảnh dưới phiến đá vỡ vẫn còn in khuôn những nét hình một tấm thân người nhỏ, nhiều khoảng trống xuống như chỗ đựng nước trong một cái nghiên dùng viết đại tự.

Chiêu Hiền rờ vào ngực Cô Dó thấy còn nóng, vội gọi gia đình đem cái áo bỏ vào do ông cất trong kho ra ngay mau. Chung đều trả lời rằng không biết ai đã tưởng là thư dây dợ gì lấy đi gói buộc hết cả rồi. Cái tia hy vọng cuối cùng lại đã tắt nốt. Ông Chiêu Hiền dấm chân kêu gọi, nước mắt đỏ như máu, tiếng mất hẳn đi. Bèn lấy giấy, bút đàm cung ông Huyện : « Ông phải làm ngay hai việc : nhất diện là cho đánh xe đi lên Sài Gòn về các miện Lục Tỉnh vét lấy hết những giấy bản của ta, chữ giấy moi và giấy tau của các Chú chế ra thì vô dụng. Một mặt nữa thì cho đánh ngay giấy thép ra Bắc theo địa chỉ này—bảo phải gửi ngay vào cho đảm kiện vô do theo lối đại tốc ».

Trong lúc chờ giấy bản, vợ được mười quyền chép dở nhưng thì ca của mấy chỗ thổ gia ngoại Bắc, ông Chiêu Hiền đem xé vỡ ra, chắt thành một đồng to, đốt sưởi cho Cô Dó hồi lại. Người đã chết là đã dần dần tỉnh lại, ngon tay động lăm buột rờ một cuốn sách nhỏ ngoài bia bằng lá cây có nét kim khi vạch sáu chữ « Chu Ngữ Lương Nhân Hoài Khư » Cô Dó mắt vẫn còn nham nghiền nhưng môi đã mấp máy được và đang he cười. Nhưng những luồng khơi đặc ở đồng giấy bản đã thừa loãng dần. Khỏi tắt, hương giấy tàn đi, người Cô Dó càng lạnh, lạnh thêm lạnh mãi rồi cứng chắc lại, mồm ngậm kín một khúc cười không kịp nở hết. Cô Dó đã trở nên người thiên cổ. Cô Dó đã thành người của một thế giới khác, của một thế giới ngọc đá muôn năm. Cái màu xanh ở tấm áo đã đậm và bóng hẳn lên thành một thứ ngọc lịm trong sáng.

Bên tử thi đá lam, có một người nấc lên mấy tiếng. Ông Chiêu Hiền tưởng con có thể điên cuồng thêm nữa khi lũ gia nhân sai đi mua giấy bản về đưa trình, vẫn vẹn được độ ba trăm tờ hoen nhàu với một câu : « Dạ chung con đang cho xé lên Sài Gòn và về cả Lục Tỉnh mà cung chỉ vợ vét được có bấy nhều Dạ bầm trong này ít dung cái thư giấy này. Việc quan và tư thấy đều dùng có giấy tây thôi » Ngâm nghĩ một hồi lâu, Chiêu Hiền trấn tĩnh được lòng tiếc và tự nhủ rằng thôi chẳng qua ông Huyện Khỏe có cái số không được làm quynh nhân nên quý vật nó mới không chịu ở vôi. Và Cô Dó đã nhất

định đi, giá có nấn ná lùi lại đến lúc này chờ giấy bản về kịp, thì cái đẹp giấy khốn nạn mỏng và biến lạn kia cũng không đủ để sưởi nóng Cô, hồ cầm lấy chút hơi tàn mà chờ vó ở Bắc gửi vào theo lối đại lộ. Sau phút lấy nước ngũ vị tắm cho thì hài đá lạnh, Chiêu Hiện thấy lòng chứa chan hối lỗi vì đã phạm vào tội giết chết mất một thứ ngọc sống. Vì có biết thế này thì đã không khi nào ông đui ngọc vào đất Sài-gòn để đến nỗi đặc tội vói ngọc đá và đánh hỏng của cuộc đời một vật báu. Chiêu Hiện lại khóc lên ba tiếng đề sau ba tiếng của mình khóc ngọc tị trần vừa dứt thì tiếp nghe đến ba tiếng cười của ông huyện Khỏe. Ông huyện Khỏe đã ôm lấy xác Cô Dó vui reo ồn ào :

— Trời, té ra là ngọc thạch. Thủy ngọc, ông Chiêu ạ. Một khối ngọc toàn bích. Việc gì mà ông buồn khóc. Thì ra trước kia nó là thứ ngọc biết nói. Mất người nhưng chúng ta vẫn còn lành vụn một phiến ngọc ví bán đi thì có thu về được cơ man là tiền bạc. Hoặc là bán, hoặc là để đem làm vật tạ lễ một vị quan thầy. Người ngọc vì có còn sống đề lên tiếng một đôi khi mà làm vui cho đám tửu đồ nhà tôi thì cũng vẫn là một sự đáng quý đấy. Mất đi ai chẳng tiếc. Nhưng mất người mà còn sót lại ngọc, thì cái đi hài này có lẽ còn quý giá hơn người lúc sống kia đó vậy. Để tôi đem dâng cho quan thầy tôi....

Thôi nín đi mà, bác Chiêu.

Chiêu Hiện đã nín thật. Nghe giọng lười ông huyện Khỏe, ông Chiêu thấy khắp mình toát ra một thứ mồ hôi dầu. Trời, thế này thì ra từ bao nhiêu lâu nay, ông đã thờ nhầm phải một người có nhân cách đề hạ quá. Đã thấm chưa! Ở vào một trường hợp tang tóc ngập lòng này, lòng người ta phải đau rầu gấp bội lòng người chết vợ trẻ hiền, mà ông huyện Khỏe đã vội tính đến nước bán sắc Ngọc. cùng là cho Ngọc đi ở vào cửa hầu nhà khác thì tưởng không còn có sự tuyệt tình nào phụ bạc được hơn nữa. Nhộp đến thế là cùng. Một người đã vô cớ bắt chỉ đến như thế thì còn cái gì ở thế gian này mà hân không làm đến. Có khi rồi, nếu không sớm liệu, thì ông ta sẽ bán đến cả mình nữa như bán một tên nô lệ cho chủ khác. Ngọc về ở với ông ta, chẳng may xấu số về giới sớm, ngọc đấy mà ông ta còn đòi bán đi nữa, huống chi là mình. Ở sát cạnh một người thiên về danh lợi quá đến nỗi

không còn lấy mảy may tình ý về kỷ niệm; cứ ơ gần kề dựa bạo ngược, không sớm liệu thì rồi vạ kéo đến cũng chỉ một sớm một chiều đấy thôi.

Ngay đêm ấy, Chiêu Hiện đã bỏ ông Huyện hàm Lúc bỏ đi, không thèm chào, không thèm đem theo một vật gì là tặng phẩm của ông Huyện hẳn đưa từ trước tới giờ. Chỉ để lại có mỗi một lá thư, trong nói là về Bắc để chữa cho khỏi ít cổ tật trong người; không dám hứa là có quay lại với ân nhân cũ nữa không, nhưng dấu sao ơn ngày trước trông cũng đã đáp lại được chín mười bằng một cái tử thi ngọc xanh đó.

Mười mấy năm bỏ làng đi vào miền trong làm . . . cho một tên bạo phú, giờ về quê cũ, một tấm áo vải đắp lên cái thân dầu dãi đa cuối châu, ông Chiêu Hiện qua sông Hát Giang lại nhớ đến lời thề cũ là không có ngựa xe thì không chịu qua cầu Púng đây mà lộn về Phủ Quốc. Nỗi buồn ấy đã thấm vào đầu khi Chiêu Hiện lộn lại làng Hồ Khẩu hỏi thăm về sự làm ăn của nhà họ Chu. Thì ra từ khi bị đánh tráo phiến đá nghệ, nhà ấy làm ăn mỗi ngày một xuống và giấy Chu Hồ bây giờ đã là một câu chuyện gần như cổ tích, một câu chuyện chỉ còn thuộc về lịch sử giấy đẹp của nghìn xưa.

Đề duy trì cái sống hàng ngày nhà họ Chu bây giờ cũng làm giấy nhưng là giấy moi....

Lòng nặng về tội ác, ông Chiêu Hiện có chép lại việc này, đủ ngành ngọn vào cuối cuốn gia phả, tỏ ý ăn năn nhiều về chỗ đã giết chết mất ngọc biết nói và dặn con cháu từ sau chớ nên xúc phạm vào bất cứ một phiến đá tảng đá hòn đá nào, mặc dầu nó có là đá bên đường đi nữa.

Sau đấy một tháng, chứng bệnh cũ miên nhất khi bỗng phát lại và lần này thì ông Chiêu Hiện ngủ luôn một giấc để lũ con đưa ra một cánh đồng tỉnh Sơn tây huyết đào sâu xuống mới có nửa thước, đã thấy lỏm chồm lỏn nhón những đá tổ ong.

NGUYỄN TUÂN

≡ MỘT NGÀY VUI HƠN TẾT ≡

(Tiếp theo trang 17)

Thấm-thoát hai giờ đã qua, mấy chú linh đứng ngoài phải tăng-hằng nhắc chừng.

Marie cương quyết đứng lên trước, cô bá cổ chồng hôn thêm một lần cuối. Bricon đợi vợ con đi khuất rồi mới theo linh canh trở về phòng.

Vây là xong một ngày lễ cưới của Bricon.. Người ta bảo : Người tù biệt xứ cưới vợ chỉ cốt tìm an-ủi tinh thần là thế.

(Trích « Mariages en prison »
điều tra của J. KESSEL Paris 1939)

**Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$ 00 mua
VÉ SỞ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG**

THANH NIÊN

DỐI VỚI

việc làng

Ứng-hòe NGUYỄN VĂN TỐ

TRONG một buổi họp của hội Truyền-bá quốc-ngữ ở hội Trí tri Hà-thành, có vài bạn thanh niên hỏi : « Sao hội không mở ở các làng xa, để cho người nhà quê xa thành-thị có chỗ học chữ nước nhà ? »

Một hội viên trẻ tuổi nói rằng ;

— Xin kiểu thôi ! Làm với các quan viên nhà quê khó chịu lắm ! Dạy ở gần thành-thị còn dễ chứ nhà quê xa chưa ai hiểu mục đích của hội là gì cả !....

— Bạn nói nhầm rồi. Nhà quê hoan nghênh lắm Hội ta có mở mấy lớp ở Khương-thượng Trong số học trò có một đứa độ 15, 16, rất là lông-lao, thầy giáo mắng cũng không sợ, không ngày nào là nó không đánh nhau, ăn nói tục-tằn ; thế mà học được độ hai tháng, anh ta hóa ngay ra một người học-trò tốt ; trong làng ai cũng ngạc nhiên, không ngờ cái hiệu-quả của Hội Truyền-bá quốc-ngữ có cái mãnh-lực thần diệu đến thế.

— Tuy vậy, ở nhà quê hãy còn nhiều cái tính câu-nệ, ai cũng cho là hủ-tục mà các ông ấy cho là lễ-phép ; như bây giờ đã sẵn đến ngày đình đám đây ? mỗi năm lại có những ngày kỳ thần bá-xã xuân thu nhị kỳ ; ấy là chưa nói đến ngày thánh-đản thánh-hóa ! Dân làng có con trâu, con bò, hay con lợn, đều cúng tế : cúng tế xong là ngã ngay ra uống rượu, các ông gọi thế là thừa huệ lộc thánh ! Nào có phải rằng cúng tế xong thì làm cỗ, ngồi tất cả cùng ăn uống thì đã vui : các ông lại đặt ra những phần biếu, nào chủ-tế, tá-vấh, tiên thứ chỉ, lý phó trưởng những người mua ngôi thứ, như ông hương, ông xã, ông đồ, có làng có cả ông sử nữa ! Một con trau hay con bò mà biếu từng ấy người thì đến dân-traí còn gì nữa ! Có khi biếu hết quá

nửa, thế mà đã xong đâu ! làm cỗ, tức là lúc chia xôi thịt, thì bàn nhất lại ăn hơn bàn nhì bàn ba, bàn nhì bàn ba lại hơn bàn tư dõ xuống. Các ông ấy gói vào là chuối đem về chứ có ăn đâu, cho nên nhiều làng phần bố được hàng giá thịt, mà phần con chỉ một hai miếng, vì thế mới có câu ; « bố ăn con nhịn ». Thế có phải ra giai cấp quá không ?

— Nhà quê hiểm thức ăn, nhiều làng xa chợ cho nên các cụ ngày xưa mới đặt ra những ngày tế lễ trước là họp mặt trong làng để tỏ tình thân-ái, sau là có những ngày ấy thì những người làm việc nặng nhọc mới nhân dịp mà được nghỉ. Trong một năm có vài chục ngày tức như bây giờ có những chủ nhật vậy. Còn những tục biếu xén, là các cụ ngày xưa ngụ ý tôn kính người có công với dân làng tùy theo tục từng làng, có làng thì chủ tế là nhất có làng tiên chỉ là nhất, tuy những người được nhất ấy có được cả cái đầu trâu, hay đầu lợn, nhưng trước kia cũng phải tốn với dân làng nhiều lắm, mới được ngồi ấy.

— Những đã phân ra giai-cấp thì thế nào cũng có sự bất-công. Thi-dụ ở làng có làm một việc, mà phải bỏ cho dân đình, việc dâng 100 bạc, các ông ấy bỏ thành 120 hoặc 150. Nhất là việc góp tiền để sắp-sửa việc cúng tế, khi góp tiền thì ai cũng như ai ; ông già 80 với người 18 hoặc đứa con trai mới đẻ góp bằng nhau ; thế mà khi chia phần lại hơn kém thì thật là không công bằng tý nào ! Anh em mình đi học hay đi làm xa, nhớ đến quê hương là nơi chôn rau cắt rốn, nên thỉnh thoảng phải về ; về mà trông thấy những tình-cảnh thế, thì chán quá.

Một hội-viên mới ở bên Lào về nói rằng :

— Bên Lào cũng có đình, có nhà công-dân để hội-họp như ở các vùng nhà quê ta, nhưng không có chia ra giai cấp quá như ở nước mình. Mỗi tháng cũng họp ở đình làng, nhưng ai đến trước thì ngồi trước, ai đến sau ngồi sau, có khi không có chỗ ngồi thì đứng cũng được, mà họp thì để bàn việc làng, chứ không họp để chia xôi thịt như ở vùng nhà quê ta, mà tranh nhau ngồi trên.

— Thế ra đình của ta không phải bất-chước đình của Tàu à ?

— Có lẽ chỉ bất-chước cái kiểu kiến trúc mà thôi. Ở Bắc kỳ, nay hãy còn có đình cổ như ở Chu quyền cách tỉnh Sơn-tây 9 cây số : đình có nóc có cột, nhưng xung quanh để trống không như cái lầu chợ hoặc các quán giữ

đồng, tức như đình bên Lào đỏ. Về sau ta bắt chước xây thêm tường xung quanh, rồi mới làm đao-tầu bốn góc, rồi làm đến tam quan lâu thành ra một cái lâu đài, chứ lúc ban đầu đình chỉ là một nơi trống-không thôi. Lối hợp đình như thế, các nhà khảo-cứu cho là do một giống ở quần đảo Mã-lai (Indonésien). Còn trên mái bốn góc xây cong lên, ta gọi là đao đầu, thì có nhiều thuyết lắm, chưa dám chắc thuyết nào là phải, nhưng có một thuyết rất lạ, là người ta cho khi xưa làm lều căng vải, chống bốn góc bốn cái sào, trông hình bốn góc cong lên; về sau không dùng vải, xây gạch, cũng bắt-chước xây bốn góc cong lên cho đẹp.

— Cứ như bạn nói, thì ra ta chịu văn hóa Mã-lai à ?

— Có lẽ thế; một phần-là Indonésien, còn một phần là Trung-hoa. Ở cạnh dân tộc nào thì phải chịu ảnh hưởng của dân-tộc đó. Nhưng biết đâu, mình cũng là một trong dân tộc đó. là dân Indonésien, sau có sức mạnh hơn, biết lập thành nước. Người Pháp khảo-cứu về tiền-sử (préhistoire) thường nói rằng người Việt-Nam là anh em họ gần với người Mường. Xét về tiếng nói của ta và tiếng nói của người Mường, có nhiều tiếng na-ná giống nhau. Xét về tiền-sử, tức là vào thời kỳ chưa có chữ viết, mà phải bằng chứng vào xương cốt và đồ vật đào ở dưới đất, thì người ta thấy ở những tầng đất cũ nhất, có những cái ốc của dân xứ ta ngày xưa giống như cái ốc của người Indonésie bây giờ. Nói tóm lại về tiền sử hay kiến trúc, hay ngôn ngữ đời xưa, đều là theo văn hóa khác chứ không phải theo Tàu,

Ông trưởng-ban giáo-khoa lúc bấy giờ mới lên tiếng rằng :

— Nói mãi như thế thì sai mất chương-trình. Câu chuyện của chúng ta bàn hôm nay là khuyên anh em nên lưu ý đến chốn hương-thôn để cho cái ảnh hưởng của Hội Truyền bá quốc ngữ chóng lan khắp đi mọi nơi,

— Có lẽ phải lấy sách nho ra dạy đề cho ai nấy đều « uống nước nhớ nguồn »

— Sách *Luận ngữ* có một thiên nói riêng về đức Khổng khi ở chỗ làng mạc, thiên sách ấy ấy gọi là thiên *Hương-dãng*. Về sau các bậc tiền-nho, như ông Đào-Tiềm, đang làm quan bỏ về quê ở, có bài *Qui khứ lai từ*; bài này cụ Yên-đồ đã dịch ra văn nôm. Trong bài có chữ « Tông cục do tồn » cây tông cây cục hãy còn nên sau ta dùng chữ « tông cục » để tặng những ông quan về hưu ở làng.

— Lại như câu :

*Nhớ đến chữ tha-hương cố-quốc,
Nào-nùng người du-tử trường-an,
Ban chiều hôm lo lắng ngoài hiên
Trông thấy cảnh, càng thêm rầu-rĩ,*

— Kinh Thi có chữ « Hoài tai tang tử », nghĩa là nhớ thay cây dâu cây thị ! tức là nhớ cảnh của ông cha để lại. cho nên có người đi ra ngoài làm ăn giàu có mà không về làng thì người ta chế rằng : « Qui-phú bất qui cố-hương như ý-cầm dạ hành », gi-ư sang chẳng về làng cũ, khác gì mặc áo gấm đi đêm !

— Dù có tìm được những bạn giáo-viên chịu khó về dạy học ở vùng nhà quê, nhưng cũng còn một việc khó, là không có dầu đèn.

— Tôi tưởng ta cứ chịu khó làm thế nào cho hội Truyền-bá quốc-ngữ lan khắp ra các chốn hương thôn, thì tự nhiên khác có đèn có dầu đủ cả. Vì đồng bào ta ai ai cũng công nhận rằng hội Truyền-bá quốc ngữ làm việc rất có ích, cho nên những người hăng tâm hăng-sân giúp hội nhiều lắm. Đã có tiền thì chỉ vị đất một tý thôi, chứ làm sao lại không có đèn mà học ?

— Có người Tô-cách-lan (Ecoissais) tên là John L. Baird chế ra một phép trông xa (télé-vision) một phép vô-tuyến điện viễn thị. Nghe đầu gần đây lại chế ra một thứ quang-tuyến để trông chỗ tối (noctoviseur). Nếu có thật thế, thì sau này ta sẽ có thứ kính để trông sáng như mắt các loài vật ăn đêm. Giá thử kính ấy phá hành ở đây, ta mua cho học trò đeo thì thật là không cần gì đến dầu đèn cả !

ỨNG HOÈ NGUYỄN VĂN TỔ

PHỤ-LỤC

Trên kia có nói đến bài *Qui khứ lai từ* là bài từ khúc kể chuyện đi về, của Đào-nguyên-Minh, tức Đào Tiềm đời Tấn. Đào-nguyên-Minh, người Nam-thôn, làng Sài-laug đất Lâm-dương, làm quan lệnh ở Bành-trạch. Từ Bành trạch nói gọi là « qui khứ » (về đi); từ Nam thôn nói gọi là « qui lai » (về lại); nói hợp lại gọi là « qui khứ lai ».

Tôi sao bản dịch âm và bản dịch nôm của Chuyết-phu (Phạm Thiệu-du) để đọc-giải nhàn lãm. Bản này in về đời Tự-đức có bài tựa của Nguyễn phi Chiêu đề năm 1872.

DỊCH ÂM:

- 1) Qui khứ lai hề, điền vi viên tương-vu, hồ
đốt qui?
- 2) Ký tự dĩ tâm vi hình dịch, hề chủ chương
nhĩ độc bi?
- 3) Ngộ dĩ vãng chi bất giản, tri lai giả chi khả
huy.
- 4) Thực mê đồ kỳ vị viễn, giác kim thị nhi tạo
phi.
- 5) Chu dao dao dĩ khinh dương, phong phiêu
phiêu nhi suy y.
- 6) Vấn chấ-h-phu dĩ tiền lộ, hận thần quang
chi hy vi.
- 7) Nãi chiêm hành vũ, tái hân tái bốn.
- 8) Đồng bộc hoan nghê thĩ tử hậu môn.
- 9) Ta-n kinh tưu hoang, tông cục do lôn.
- 10) Hễ ấu nhập thất, hữ tưu doanh tòn.
- 11) Dẫn hồ trang dĩ tự trước, miện đình kha
dĩ di nhan.
- 12) Ý nam-song dĩ ký ngạo, thâm dung tất chi
dị an.
- 13) Vên nhật thiệp dĩ thành thú, môn tuy
thiết nhi thường quan.
- 14) Sách phủ lão dĩ lưu khế, thời kiều thủ nhi
du quan.
- 15) Vả vô tâm dĩ xuất trục, đều quyện phi
nhĩ tri hoàn,
- 16) Ảnh ế dĩ tương uhaps, phủ cô tông nhi
bản hoàn,
- 17) Qui khứ lai hề, thính lực giao dĩ nguyệt dư.
- 18) Thế dĩ ngã nhi tương di, phục giá r gón
hề yên cầu?
- 19) Duyệt thân thích chi tình thoại, lạc cầm
thư dĩ liêu tru.
- 20) Nùng nhán cáo dư dĩ xuân cấp, tượng hữu
sự tr tây trừ.
- 21) Hắc mệnh cán xa, hoặc chạo cô Chu,
- 22) Ký gửu đ.ệu dĩ tâm hác, diệp khi-khu nhi
kinh khuu.
- 23) Mỗ hân hân nhi hướng vinh, tuyền xuyên
quần nhi thủy lưu.
- 24) Tể vụn vật chi đắc thĩ, cảm ngộ sinh chi
hân hân.
- 25) Dĩ hỹ hồ, ngụ hình vũ nội phục kỳ thời,
hạt bất uy tâm nhậm khứ lưu.
- 26) Hồ vi hồ! hoàng hoàng dục hà chi?
- 27) Phú-quý phi ngị nguyệt, Đế hương bất
khu kỳ.
- 28) Hoài lương tẩn dĩ co vãng, hoặc thực
trượng nhu vãn thư.

29) Đăng Đông-cao dĩ thư khiếu, tâm thanh-
lưu nhi phủ thi.

30) Liều ti ủa hoa dĩ q y ận. 'ạc hồ thiên mệnh
phục hề nghi!

DỊCH NGHĨA:

- 1 Về đi thôi dờ lại nhà,
Ruộng vườn hầu dễ sa là dâu đây?
- 2 Lòng ta đã bận thân n',
Nỗi riêng còn lại buồn gì với ai?
- 3 Đánh hay v ệc trước khôn nài,
Đôi theo họa có rầy mai chẳng là.
- 4 Đường nhăm nhưu c ửa bao xa,
Nghĩ rầy phải, mới biết là trước chẳng.
- 5 Với voi thuyền nhẹ lưng chừng.
Hu hu gió lọt mây từng áo thừa.
- 6 Gặp ngư i lại l ội đường xưa,
Bóng giới bức nổi l ờ mơ hôm mai.
- 7 Trong chùng nha đã l ội nơi,
Hãy vui trong dạ kíp dời bước hân.
- 8 Tôi đòi thừa rước chu nhân,
Trẻ con đón trực gia t ản về hân.
- 9 Ba vùng hủ hủ: chồi lau,
Hãy còn tông cục, một mau thanh thống.
- 10 Ấm con vào chốn gia phòng,
Sẵn sàng r ỏ r ửa đầy trong ngà i bình.
- 11 C ấu i ồ đưa r ỏ mọt minh,
Cay sán l ẽ thấy ngọn ngà i h cùng vui.
- 12 Mát rami n ữ i ngưỡng tựa ngời,
Nha dong chân được tời lui cũn , vừa.
- 13 Vườn cảnh d ạo, hủ cang xa,
Cửa ngan đề vắng sớm trưa vẫn cai.
- 14 Gậy gùng (c ẩu) d ờ bước nghĩ ngời,
N ồng xem phong cảnh Doug chơi tháng ngày.
- 15 Mây đau t ỏa u ỉ nh non xây,
Cầm đau l ạc đ ạc xa bay về cảnh.
- 16 Bụng chiều hau ỉa chênh chênh,
Cội tung quanh quất, nhan ỉa chưa thôi.
- 17 M ột hay q u khứ là i ồ ,
Đau au đau nư a cũng nguôi tục tình.
- 18 Cuộc trong ma bỏ ngơ mình,
L òn loan áo d ươi ngoa i vanh làm chi?
- 19 Tình i ể y vui với thán nghĩ,
Khúc d ục quyên sách đề huề lam khuấy.
- 20 Xuân s ư g kẻ bảo ỉa ngay,
V ệc nông s ầu s ầu ra cày tay chàng.
- 21 Kh ế d ục d ạo len đường,
Khi thuy ến qua bến s ẻ h sang một chèo.
- 22 Qua ỉa c ỏ ng ỉa s ực lan theo,
Gặp ghềnh trai kháp gò đeo may nơi.

(xem tiếp trang 28)

NGUỒN GỐC VĂN KIỀU

(Tiếp theo trang 12)

Xông mai chột động bóng người.
Vẻ lan vừa chán vội rời gót sen.
Rẽ ngang về mái tây-hiên,
Cảnh dao khuất bóng, xiêm tiên lẫn màu.
Ít nhiều cụm thược chồi du,
Hương thừa còn phảng phất đầu trước đình.
Vẻ dàu ngọc chuốt đá thành,
Bút thần đồ vẽ nên tranh truyền thần.
55 Giá đầu báu Triệu châu Tần,
Người sao so dưới cỏi trần chưa ai!
Thực âu sắc nước hương trời,
Chẳng dòng thần-nữ, cũng vời tiên-cung.
Nguyên-phong đồng tỏa trùng-trùng,
Khách thơ luống những mơ màng hồn thơ.
Biết đầu nước đợi non chờ,
Chứa xuân sao khéo hững-hờ cho đang.
Bào tình lẫn thấm giọt sương,
Thần thờ ngọn khói cảnh sương một mình.
60 Lén vào kẻ trước còn-đình,
Vách mai còn dán rành rành tiên mai :

51. *Xông mai*: lướt qua khóm mai. *Hoa tiên*: vẻ hoa vừa chán, gót lan vội rời.

52. *Cảnh dao* chỉ người đẹp. *Kiều*: Một vùng như thê cây quỳnh cảnh dao.

53. Các hần đều chép cụm *quyển*. Nhưng xét ra không có nghĩa. Cụ chữ Dương-bá-Trạc đoán rằng *cụm thược*, thược được, vì có câu thơ cổ *Hồng du, bạch thược đa xuân tử*. Có lẽ đúng, vì đúng với cảnh xuân và cảnh tình ở đây. Vậy tôi chữa ra chữ thược. -

54. *Dá*: bằng. *Hoa tiên*: người sao ngọc chuốt tuyệt động. *Vẻ* sao đá chuốt gương trong hời người.

55. *Báu Triệu, châu Tần*: ngọc nước Triệu, hạt châu nước Tần. Ý nói của rất quý.

56. *Thực địa*: thực mà. *Kiều*: than ôi sắc nước hương trời

57. *Hoa tiên*: sinh rằng: đồng-tỏa nguyên-phong. *Kiều*: tắc gang đồng tỏa nguyên-phong. Cổ bản chép: khách thơ thêm những ..

58. *Kiều*: chứa xuân sao bằng hững hờ với hoa.

59. *Bào*: ảo bào. *Giọt sương*: nước mắt. Các bản đều chép như vậy. Nhưng trùng vận. Có người nói *giọt sương*, nhưng người ta nói giòng sương, mạch sương chứ ít nói giọt sương.

60. *K*: gần sát; *Còn đình*. Còn sơn đình; đình có bà thần ở.

Lừa ngọc cùng ai đó,
Trăng kia với khách này.
Một cảnh xuân đã sớm.
Mấy đoá tuyết nào bay.
Vẻ sạch mưa càng dãi.
Lòng thơm gió nở lay.
Bướm con đừng thốc-mách,
Cho hái có nhường tay.

(Bài thơ Thường-mai nguyên-vận)

6. — Họa thơ Thường-mai

65 Từ cao cách lạ tốt vời,
Quần thoa kém nhĩ nầy tài Âu Tô!

Nữ-trung được mấy người ru!
Song mai biết mấy công phu tập rù.
Cầu thần, chữ thánh, người tiên,
Hay đầu rồi chẳng phải nguyên trăm năm.

Phím hoàng đợi khách tri-âm,
Nên treo cân Lệ, ai cầm giá Côn.

Nghĩ mình dong ruổi nước non,
Niềm kinh-quốc, nổi hương-thôn bấy chầy.

62. Cổ bản chép: mấy điểm tuyết.

64. *Thốc mách*: không phải việc mình mà cũng mách. Ý bài thơ: hoa mai chỉ làm bạn với trăng với khách thường hoa. Một cảnh hoa nở sớm, còn cố tuyết bám vào. Vẻ sạch, mưa dãi càng sạch. Lòng thơm nên gió không nở lay mất hương thơm. Bào những con bướm bé đừng đi mách cho ai biết có hoa quý ở đây, vì tay hái hoa đã dành sẵn rồi. Đây lấy hoa mà ngụ ý.

65. *Cách*: cốt cách. *Âu-tô*: Âu-Dương-Tu và Tô-Đông-Pha là hai nhà thi sĩ trứ danh. Đây ý nói: đàn bà mà có kém đâu, cũng nầy tài Âu-Tô.

66. *Nữ trung*: trong hàng con gái. *Song mai*: nói chỗ học. Đề ý đến sự dụng tâm dùng chữ mai, nào vách mai tiên mai, hồn mai, song mai.

68. *Phím hoàng*: khúc đàn Cầu-hoàng của Tư-mã-tương-như. Nói sự lấy thi nhạc đề kén vợ kén chồng. *Lệ*: hạt châu sông Lệ nặng. *Côn*, nói ngọc ở sông Côn quý, hai của quý. Ý câu: vì còn kén chồng cho nên còn đợi khách tri-âm, như hạt châu sông lệ còn treo chưa cho ai cầm, như ngọc Côn-sơn còn gìn giữ chưa cho ai đánh giá.

69. *Niềm kinh quốc*: lòng nghĩ đến vua nước.

70 Đoái chỉ bướm lữ ong bày,
Đàn Tao nào mấy đua tay cầm vì.
Dù chẳng con Tào khắt khe,
Thì chi cánh điệp còn mê với tình.
Trót đà tới Mậu-đơn-đình,
Thơm chẳng cũng bề một cảnh làm duyên.

Tục-diều gặng bộ vận tiên,
Liễu-tri trước lá hoa-tiên thế nào.

Ngôi giao vừa ráo luật Đào,
Vớ vẩn thơ trước sắp vào một phong.

75 *Dao-tri in về ngọc,
Đúc lại lá tiên này.
Nấn gió hoa vừa nhú,
Nài hương nguyệt muốn bay.
Chiếc đình còn phảng phất,
Cai bướm bỗng thay-lay.
Chẳng những xuân kia chọn,
Thần tiên cũng chấp tay.*

(Bãi thơ Thường-mai họa vắn)

Người tiên dấu cách mấy trùng,
Dấu tiên càng phó thi-đồng chặt chiu.

70. Các bản chép : hoặc *thuyết chi* hoặc *thoát chi*. Nhưng không có nghĩa. Có lẽ là chữ đoái, nửa hai chữ trên. Hai chữ cuối cùng cũng khó hiểu. chữ cuối cùng các bản đều viết chữ *vi* là cây lau, còn chữ trước thì viết hoặc *khâm* là chèo áo, hoặc *khảm* nghĩa là cấm. Theo vần và luật thì chữ *vi* chỉ đọc được là *vi*, *vè*, *v*, nếu có ép vận nữa thì đọc *váy*, *vòi*, *vây*.. Còn như trên thì đọc cấm hay cầm Tuy là chữ *cầm vi* phải viết khác và chữ *vi* là *vi*, nhưng mà tôi cũng tạm đoán: cấm vì, kéo mà những cách đọc khác lại vô nghĩa hơn. Có lẽ nghĩa câu này là : có kẻ chỉ kẻ tầm thường đi ve vãn, vì trên Tao-đàn đã mấy người đã đua kịp mình để cấm một ngôi.

71. *Chẳng* : chẳng. Nếu con Tào chẳng khắt-khe. *Cánh điệp* : Xem câu 21.

72. *Mậu đơn-đình*. chuyện Đổ-Lệ nằm mộng thấy gặp Liễu-mộng Mai ở Mậu-đơn-đình, rồi sau lấy được nhau.

73. *Tục diều* : họa vắn. *Kiều* : hay hèn lẽ cũng nổi diều. *Bộ vận* : họa vắn. *Liễu-tri* : Thi tứ, Lấy tích người nằm mộng thấy yêu thơ *Trì đường xuân thủy liễu* cho nên lúc tỉnh tìm được thi-tứ. Cả câu, ý nói : gặng họa vắn, đề lá hoa tiên trước mặt mà xem thi tứ ra sao.

74. *Ngôi giao* : ngôi bút. *Luật đào* : thơ ngũ ngôn.

75. *Dao tri* : nhồn tiển.

77. *Thay lay* : số sàng.

78. Bài thơ họa ý nói : bức thơ này là tự chốn tiên lại. Hoa mới nhú nên sợ gió. Nguyệt cổ tìm hương thì muốn bay lại tìm. Mùi hương còn phảng phất trước đình, con bướm bay lại tìm hoa không thấy hoa nên thành số sàng. Chả trách chỉ mùa xuân chọn hoa mai. Đến thần tiên cũng chấp tay bái phục.

79. *Thi-đồng* : ông thơ. *Hoa tiên* : phẩm để biếng giờ thi-đồng. *Cuối chiu* : giữ gìn sẵn sóc một cách yêu cầu.

80 Bồng dưng trắng dật gio diu,
Làm sao lui toi cho đeo đẳng này.
Cuộc mê càng mãi miệt thay,
Dập dờn chiếc bóng, chày-vay trot giờ.
Một đình, một khách, thần thơ,
Thôi thăm thì hồi, lại mơ mẩn chào.

7. — Đạo bước tìm người

Hiền dàu kéo rẽ hoa đào,
Đánh liều quả quyết bước vào thử xem.
Thướt tha tơ liễu buông rèm,
Trà non uốn diều, dương mềm khoe tươi.
85 Nhụy xuân đón gió như cười,
Chòm thanh, khóm dật, khac vời chân-du.
Có cây có đá lô xô,
Có lầu túc-diều, có hồ du-ngu.
Trửa trời một cuộc tiên-cư,
Đình dài mây thap, đồ-thư mấy từng.
Hoa say, hạc ngủ, mơ chừng,
Một rằng Bích-động, hai rằng Thanh-tiêu.
Một hiền huy-phượng cheo-leo,
Thấp đưa gió trúc cao reo sóng từng.

8. — Trao thư cho Hoàn

90 Tiều-hoàn lần bóng hiền-trung.
Vén cảnh biếc, hái hoa hồng trước lang.
Bóng người chợt thấy dung-quang,
Lạnh chanh bước tới số-sàng hỏi ngay :

80. *Dật diu* : qua lại. *Trắng dật gio diu* : ý nói có cảm tình với nhau. Có bản chép : *diều đàng* thay đeo đẳng.

81. *Dập dờn* : chập chờn. *Chay vay* : chơi vơi, lơ lơi.

82. Từ 80, ý nói là bị si tình, nên mê mộng, chập chờn, tự hỏi một mình, tưởng thấy người tới, nên chào hỏi bóng.

84. *Hoa tiên* : phật phơ tơ liễu buông rèm. *Kiều* : lơ thơ tơ liễu buông màn. *Đêu* : diều-dạng.

85. *Chòm, khóm* là nói về cây cối. *Dật* : ăn kín. *Chân du* : chốn chơi có thực ở trần tục

86. *Kiều* : có cây có đá sẵn sàng. Có bản viết : có cây... xô bồ. *Túc diều* : chìm diều. *Du ngư* : cá bơi.

87. *Tiên cư* : chốn tiên ở, *Đồ thư* : nhà chứa sách.

88. *Bích-động*, *Thanh-tiêu* : chốn tiên.

89 *Hay phượng* : xua chim phượng. *Sóng từng* : tiếng gió thổi vào lá từng reo như tiếng sóng. Tả rất gọn và khéo.

90 *Tiều-hoàn* : con hầu. *Lang* : thêm nhà. Có bản chép : cảnh gấm.

91. *Dung quang* : vẻ mặt. Các bản chép *rõ ràng hỏi ngay* Nhưng chữ *nôm* *ràng* có chữ *sàng* bên phải. Bây có lẽ chữ *sàng* Người sau không rõ nghĩa nên chừa chữ *khẩu* bên trái của chữ *sá* ra chữ *hỏa* để thành *ràng*. Và có bản còn để chữ *khẩu* bên tay trái chữ *lở* (rõ). Như thế thì chắc là *sở sàng* chứ không phải *rõ ràng*. Và chữ *sở sàng* mới ăn ý với chữ lạnh chanh trên. Chữ *rõ ràng* thì chỉ là chữ *độ* làm mất tứ thơ.

« Người đầu quan khách đầu đây ?
 Lạ lòng xông xáo chốn này lạ sao ! »
 Nhủ rằng : « Chớ đồ nhau nao,
 Qua đình Mai thấy thơ nào bỏ rơi.
 Tài này Lý Đỗ một hai,
 Xuân in cỏ liễu, tuyết tươi nét từng.
 95 Nhời đầu thần khế, đạo đồng,
 Hạnh-đường bao ná, nhủ cùng được hay ! »
 Hoàn rằng : « Mơ mẩn ngán thay. »
 Vội vàng dật lấy tiên mây trở vào.
 Mịt mù nào thấy đầu nào,
 Cảnh bay phấn-diệp, hoa xáo cánh thơm.
 Mảnh riêng càng nát như tươm,
 Càng ngơ ngẩn bóng, càng nâm-nỉ tình.
 Chắc chi con trẻ dành banh,
 Tin sương có lọt trước mảnh cho chăng.
 100 Tắc gang cách mấy mươi từng,
 Không đứng hầu để gió đặng cột ai.
 Chớ rằng lá thắm dòng khơi,
 Một thơ kéo được tơ trời mà hay !
 Kiếp xưa cũng thế nào đây,
 Họa hoàn chẳng chẳng là tay vuông tròn.
 Mảnh tiên tạc lấy sắt son,
 Tắc lòng đem hỏi, nước non mượn bàn.

92. *Xông xáo*: đi càn vào. Có bản viết « là sao ».
 93. *Nhủ*: bảo. *Đồ*: gán cho những điều bậy bạ.
 94. *Lý, Đỗ*: Lý Thái Bạch và Đỗ Phủ, thi sĩ trứ danh đời Đường. Câu lục ý nói van hay chữ tốt.
 95. *Tần-khê đạo đồng*: tinh thần và ý tưởng hợp với đạo Hạnh-đường chỉ bà chủ. *Bao ná*: thế nào.
 96. *Tiên-má*: tờ giấy. *Kiếp*: chiếc thoa với bức tờ mây. Có bản chép: hoàn nghe và Hoa viên cũng có câu: Nguyệt rằng mê mẩn xinh thay.
 97. Câu này tả một cách rất hay cảnh người con gái, có lẽ là tiên, rẽ hoa mà biến mất. *Hoa xao* là nói rụng lướt hoa nghe tiếng xào xạc.
 98. *Mảnh riêng*: lòng. *Tươm* là rách nát lắm. Có bản chữa chữ *thơm* câu trên ra *loa*, chữ *tươm* ra *dần* và chữ *nâm* rĩ ra *nân* nỉ.
 99. *Con trẻ*: tạo hóa. *Kiếp*: tin sương luống những rày mong mai chờ.
 100. *Kiếp*: Tắc gang đồng tỏa nguyên phong. *Gió Đầy* là gió đưa tới Đàng-vương-các, ý nói vận may thì gió đưa tới đó. Câu này nghĩa là: người giải nhân cách ít mà nhiều. Nhưng không lẽ sự may tới đây lại chỉ dễ trên ta thôi. *Kiếp*: duyên bằng thuận nào gió đưa.
 101. *Lá thắm dòng khơi*: lấy tích Vu hùu bắt được thơ viết vào lá thắm buông giòng nước, rồi sau lại lấy được người cung nữ viết thơ ấy. *Kiếp*: cận dòng lá thắm, dứt đường chim xanh.
 102. *Họa hoàn*: họa may *Tay vuông tròn*: trời đất
 103. *Tiên*: giấy viết thơ.

9. — Mời vào hầu chuyện

Bàn mê những thẹn lìn nhàn,
 Nhớn nhor sức thấy bóng Hoàn tận nơi.
 105 Tôn-mơn nói nói cười cười,
 Rằng vàng nghiêm-lệnh rước người về sanh.
 Cảnh-tình một bước một thanh,
 Tất chừng thư các, đạo quanh tri-đường.
 Ngoài sanh giá lục xây vàng,
 Bình đan xuân vẽ, dài gương bóng lồng.
 Trong sanh mở cánh phù-dung,
 Mắt trần luống những lạnh lùng về Ngân.
 Y trên thấy một phu-nhân,
 Bước vào tự lệ phân tân trước tòa.
 110 Dạy rằng : « Quê phúc gần xa ?
 Ấy ai thóc-mách nên mà biết đây ? »
 Dứt lời rén rén thưa bày :
 « Khi xưa dòng-dối khi nay phong-trần.
 Mãng vui nước trí non nhân,
 Đẳng lâm trót hẹn với xuân một lời.
 Cho nên liễu nẻo lạc vơi,
 Phúc-giang, Phụng-lĩnh là nơi quê nhà.
 Thầy-lay vàng chịu trót đà,
 May nào lượng bề bao la muôn nhờ. »

10. — Khuyên lập công danh

- 115 Nghe thôi lẳng lặng trót giờ, .
 Ngọc khoan khoan mới xa đưa dịu-dàng :
104. *Bàn mê*: bàn hoàn, bởi hồi. *Hoa tiên*: Rèm đồng khách hãy mơ màng bàn mê.
 105. *Tôn mơn*: hỗn hờ mà có ý chớ đều. *Nghiêm-lệnh* lệnh chủ. *Sanh*: nhà.
 106. *Thư các*: gác đề sách. *Tri đường*: ao.
 107. *Giá-ục*: giàn màu xanh. *Bình đan*: bình phong màu đỏ.
 108. *Cánh phù-dung*: cánh cửa. *Vẽ Ngẫu*: vẽ sông Ngân-hà, vẽ tiên.
 109. *Y*: tựa trên. *Tự lệ phân tân*: lấy lệ chia chủ và khách. *Hoa tiên*: Bước mừng tự lệ chủ tân.
 110. *Quê phúc*: quê quán. (Tiếng nói lịch sự). *Thóc-mách*: mách lẻo.
 111. *Hoa tiên*: Dứt lời khúm nể trình thưa. Câu bắt tả đúng cảnh ngộ tác-giả.
 112. *Nước trí non nhân*: nước và non. Dùng tiếng trí nhân để tỏ mình là kẻ sĩ. *Đẳng lâm*: đáng là lên núi, làm là tới nước; hai chữ này ăn với hai chữ nước non trên.
 113. *Liều nẻo*: đi liễu. *Phúc-giang, Phụng-lĩnh*: tên sông núi ở gần làng Trường-lưu. Phụng-lĩnh còn có tên là Nhạc-sạc.
 114. *Thầy lay*: số sàng, xem câu 77.
 115. *Nghe*: tiếng quý như ngọc. *Hoa tiên*: Nghe thôi lẳng lặng đợi thời.

Rằng : « Gia-quân với nghiêm-đường,
Chữ luân xưa cũng mỗi đường một hai.

Điện Thương cùng nếm vạc mai,
Cũng trong Y Phó, cũng ngoài Tôn Ngô.

Nấy sương vện bước vịn-cù,
Dẫn-nhân riêng chiếm thú hồ-sơn đây.

Cơ trời dẫu bề vắn xây,
Trần-kiều biết mặt cho này là ai.

120 Lửa bình rắp thừa chông gai,
Áo xiêm đôi thói cân đai đau lòng.

Nặng nguyên hưu thích dẽ đồng,
Theo châu Liệt-thành năm vòng mười dư.

Bận bưng còn chút ngày thơ,
Điền-viên quen lấy cầm-thư đỡ phiền.

Dù chẳng cảnh bút làng tiên,
Vội trần nghĩ đã khơi miền nước mây.

Tiền-duyên túc-trái chi đây,
Không dưng người biết chốn này là đâu.

125 Mới rồi đạo tới thư-lâu,
Nhẹ nhàng vừa thấy con hầu nói qua.

Khách nao lả-lướt yên-hà,
Một mình thơ thần dò la hạnh-đường.

Lại đưa hai bức thư-chương.
Khác chiều nên bảo đón chàng vào chơi.

116. Ý nói cha và chồng đều giữ đạo luân thường.

117. Câu lục : cùng dự chức khanh tướng. Y Phó : Y doãn và Phó-duyet ; bấy tôi giỏi. Tôn Ngô : hai người có mưu lược giỏi.

118. Nấy sương : bấy nhiêu năm. Vịn cù : đường mây là đường làm quan. Dẫn nhân : cầu lấy nhân, về nghĩ. Câu này ý nói : bấy nhiêu năm làm quan đến tột bậc, cáo về nghĩ và ở riêng chỗ này.

119. Trần : Kiêu : là đất vua Tống tiếm ngôi Chu. Các cụu thần nhà Chu nhiều người không chịu bái. Đây ý nói : vận nước đổi thay, Lê mất, Tây Sơn lên. Các cụ không chịu khuất phục.

120. Rập : vận rủi. Kêu : Rập nhà đến nỗi dẫn vào tội người. Câu bát ý nói : thấy các cụu-thần theo triều mới, nhưng bậc cân đai lấy làm đau lòng.

121. Câu lục nghĩa là : đã trót nặng lời nguyên với vua. vui buồn cùng nhau. Câu bát ý nói : đã mất theo các vua hơn mười năm. Từ câu 114 đến đây, Tác giả đã đặt tình cảnh mẹ vào cho phụ nhân. Chồng bà là cụ Nguyễn huy-Tự cha bà là ông Nguyễn Khắc đều là bậc đại thần triều Lê. Vì loạn lạc nên đã từ quan về ở quê nhà. Tuy là cụ Nguyễn-huy Tự bị Tây-Sơn ép ra. Nhưng cũng mất liễn (1790). Còn cụ Nguyễn Khắc tức nghe quân Nguyễn-Huệ kéo ra Bắc, lập tức ra Thăng-long, nhưng bị bệnh rồi mất (1786).

123 Ý nói tuy chẳng phải chốn tiên, nhưng đây cũng đã xa tục.

124. Tiền-duyên, túc-trái : duyên trước nợ sẵn.

126. Lả lướt yên hà : xông pha khói rặng.

127. Khác chiều : khác thường.

Lời què trẻ nó đông dài,
Thêm hoa may lại gặp tài văn-nhân.

Xem trong xường họa mấy vắn,
Lấy mai mà vẽ lòng xuân cần-quyền.

130 Hay đầu là nợ là duyên,
Là thân trước trẻ, là nguyên xưa người.

Khen cho cầm tú sắc tài,
Lạ cho con tạo lửa người ghê thay !

Kiếp trần dày đường đường này,
Lửa hương chờ đợi đến tay anh hùng.

Ấy nhân-duyên, ấy tao-phùng,
Dầu dầu sắc sắc không không nghĩ gì.

Lọ là nhận cá di về,
Lửa đôi chẳng lại một kỳ tái-lai.

135 Nền thi-lệ gặng dùi mài,
Tiếng khởi dừng thẹn với mai mới hào !

Duyên lành hẳn đợi giá cao,
Sấm bằng dây đã, thơ dào lại ca.

Xe duyên dành có trăng già,
Mặc dù nhân quả, chớ ra quan-hoài.

Hồn mai còn nhớ đình Mai,
Cảnh quen hẳn chẳng lạ người quen đâu.

Còn non còn nước còn lâu,
Còn câu thơ ấy là câu sấm rồi.»

11. — Tỉnh dậy tay không

140 Đương khi từ tạ khúc nhôi,
Giang-thôn dầu động tiếng còi mục nhi.

Trong thuyền sức lĩnh đôi khi.
Tắc riêng dồn đã, khôn suy tin ngờ.

128 Hoa tiê : Trẻ nhà võ về dễ chơi.... Hoa tươi thêm vẻ là nhờ bút tươi. Kí u : Lời què chấp nhặt đông dài.

129! Lọ xuân : tình. Cầ : quyền ; ăn cần

131. Cầ : từ sắc tài : sắc tài đẹp như gấm vóc.

132. Dây-duyên : vương vãi.

133. Ấy là tiền-định, dầu dầu có có không không gì cũng đừng nghĩ lo.

134. Không cần có tin đi về. Chẳng lại : thế nào chẳng có.

135. Hoa tiên : nền thi lệ, nếp cân đai. Tiếng khởi : khởi là đầu. Hoa mai có chữ là hoa-khôi, vì thế mới có câu đặt mạn mà này. Hoo : giỏi.

136. Lành : tốt. Sấm bằng dây đã : đặt bằng nỗi sấm là nói đầu. Thơ dào lại : thơ dào-yêu nói về hôn nhân.

137. Câu bát ý nói : để mặc sự nhân-quả định đoạt, chớ đừng lo nghĩ.

138. Câu này đặt rất ài tình.

139. Khúc nhôi : nỗi niềm tâm sự. Mục nhi : trẻ con chân trâu bò.

140. Tắc riêng : lòng. Dồn đã : thần thức.

Nào đình nào khách nào thơ,
 Bảy giờ hồ-diệp, bảy giờ Trang-sinh.,
 Cũng trong hai chữ chung-tinh,
 Sao người thường bấy mà mình quái thay !
 Tài tình hai chữ xưa nay,
 Kiếp người may với chẳng may cũng nhiều.
 145 Cuộc đời mây nổi nước triều,
 Tình bao nhiêu, nợ bấy nhiêu hay gì.
 Lấy điều mộng-ảo mà suy,
 Một thì là giác, hai thì là mê.
 Mê chẳng một lúc đi về,
 Giác thì duyên ấy còn ghé say này.
 Thấy đây còn biết từ đây,
 Bao giờ sao nữa lại hay bấy giờ,
 Hoàn thiên tàu bút một thơ.
 Quê đâu chữa đó là nhờ tao-nhân.

Thực là một áng văn tuyệt-diệu. Tuy dụng chữ sách nhiều; nhưng so sánh với Hoa-tiên. Cung-oán, và cả Kiều nữa, phần chữ cũng không quá đáng. Phần nhiều tiếng dùng trong Kiều bây giờ đọc quen nên ta không để ý nữa. Chớ nếu để ý thì ta sẽ thấy cũng khó nghĩa như những chữ dùng đây.

Cụ Nguyễn huy Hồ có tài tả cảnh kỹ càng một cách đặc biệt mà nhất là tả cảnh trời. Ta chớ quên rằng cụ giỏi thiên-văn. Đoạn dưới bài ca lại rất lưu-oát. Cụ đặt những câu với chữ rất thường mà ý-từ dồi dào lời lẽ bóng bẩy ly kỳ thực là vô-giá.

Về nội-dung, mộng Mai-dinh có thực không? Chác mộng có thực. Như chuyện tình duyên đây là chuyện mơn.

Lúc Nguyễn-sơ, con cháu các cụ-thần Lê đều giữ lòng từ Lê. Trong nhóm công-tử công-tôn hai làng Tiên-đền và Trường-lưu, đã có nhiều người lánh lẫn để khỏi phải làm quan, và đã tỏ lòng trong những thi ca. Ông Nguyễn Hành đã có tập Minh-quyên. Sau này cụ Nguyễn Du lại có tập Kiều. Bài Mai-dinh mộng-ký này cũng cùng một ý ấy. Và xem qua ta đã thấy nhiều câu thổ-lộ tâm-tình. Lẽ cuối cùng là đối với các cụ ta xưa, mộng người con gái đẹp. là mộng thánh-nhân: « Vọng mỹ - nhân hề! tây nhất phương ». Cụ Nguyễn huy Hồ ngược lên phương Tây mà có mộng mỹ nhân chính là ngụ ý ấy.

Đời sau, có người trong họ vịnh chuyện Mai-dinh mộng. Tôi xin tạm dịch như sau:

Một giải trường-giang nước lộn giới.
 Lưu-lang rày đã tới thiên thai.
 Quang âm thấm thoát con thuyền là
 Xuân-vũ đầm đìa một-đóa mai.
 Nào chường có thần mê cũng tỉnh,
 Tao-đàn không rượu giấc càng say.
 Qua sông vì được chìm huyền-hạc,
 Mượn toi Mai-dinh nhắc chuyện ai.

Kết Luận

Ai cũng biết Kiều, nhiều người biết Hoa Tiên. Chớ Mai-dinh mộng-ký chỉ có một số ít người ở La-Sơn và Can Lộc biết mà thôi. Bây giờ đọc giả đã đọc bài ca ấy. Chắc đọc giả cũng lấy làm ngạc nhiên vì một áng văn như vậy mà bị mai một trong gần trăm rưỡi năm,

Cụ Nguyễn Du lúc thiếu-thời rất hay giao-du với văn sĩ Trường-Lưu. Còn để lại một vài bài ca, văn tế Ảnh hưởng của sự giao-du ấy rất lớn. Nay ta đọc quyền Kiều, ta thấy từ cách dùng chữ đến cách đặt câu; đều giống như trong Hoa-Tiên và Mai-dinh mộng-ký. Cụ Nguyễn-Du bắt chước chăng? Nói thế không đúng. Ta phải xem ba áng văn này là của một văn-phái; của một nhà truyền từ người này đến người nọ. Từ cụ Nguyễn Nghiêm, qua làng Trường Lưu rồi trở lại cụ Nguyễn Du. Tiên-Điền và Trường Lưu hai làng ở hai đầu núi Hồng-Sơn. Hình như văn-tài, văn-khí đã theo mạch núi Hồng Sơn mà truyền từ họ Nguyễn này đến họ Nguyễn kia, và nhờ vậy mà dân-tộc Việt Nam ta ngày nay có thể tự-hào đã có một nền quốc văn chắc chắn và đẹp đẽ.

T.B. — Họ Nguyễn-huy bây giờ vẫn thịnh-vượng. Người trong họ đã giúp tôi việc khảo cứu được nhiều. Tôi xin cảm ơn. Và nhất là ông Nguyễn-huy-Chương lại rất có lòng về việc tôn cổ này thực là chẳng phụ tiếng con cháu đại-gia.

142. *Hồ-diệp, Trang-sinh*: Hồ-diệp là con bướm, Trang Sinh là Trang-Tử. Hồ điệp nói về mộng. Trang-sinh nói về tình.

146. *Kiều*: Lấy trong mộng triệu mà suy.

149. *Hoàn thiên*; xong bài. *Tàu bút*; viết xong Có bản chép văn-nhân.

H. X. H.

THANH NIÊN ĐỐI VỚI VIỆC LÀNG

(tiếp theo trang 23)

23 Mầu cây hơn hớn đua tươi,
 Dòng ngàn đầy giẫy nước ngòi mới sinh !

24 Gấm khen cảnh vật hữu tình,
 Ngậm ngùi lại nghĩ sự mình hầu thói.

25 Thôi còn mấy kiếp ở đời,
 Dè lòng sao chẳng tới lui mặc dầu.

26 Có sao khăn khăn những sầu,
 Còn loan lại muốn đi đâu chưa rồi.

27 Giàu sang ai mặn mùi đời,
 Cối tiên hương lại xa khơi ước nào.

28 Ngày lành lẽ bước tiêu-dao,
 Khi ra thực trượng, khi vào văn nông.

29 Lên cao dựng khúc thông dong,
 Tới khe thanh thủy theo dòng ngâm thơ.

30 Về sau phó mặc hóa cơ,
 Vui cùng thiên-mệnh chẳng nghĩ nữa nào ;

Ừng Hòe NGUYỄN VĂN TỔ sao lúc

VIỆC QUỐC TẾ

Trong một tháng giới vừa qua tình hình chiến tranh bên Âu-Châu đã xoay đổi một cách mau chóng. Mùa đông, từ ~~ở~~ những thành bảo tuyết đưa thời tiết tới ~~đến~~ trời 0, vẫn là một ~~trận~~ trận-quả cuộc hành binh của quân đội Nga, . . .

Đã đến lúc quân đội bên cần phải quyết-chiến để mưu cuộc toàn thắng, và ta cảm thấy phút cuối cùng của mặt trận Âu-Phi có lẽ không còn mấy chốc.

1. Trên Thái-bình-Dương.

Trong một tháng nay, không có gì đáng kể ngoài những cuộc ném bom của phi cơ Nhật đánh phá bờ biển Nam đảo Nouvelle Guinée (Méranke, Moresby) và Bắc Úc-dại-lợi (Port Darwin). Nhật lại báo tin một cuộc đại-thắng ở phía Nam quần đảo Salomon (đảo Rennell — 30 Janvier) Trong lúc này người ta lo đặt vững các nơi căn-cứ binh bị ở đảo Nouvelle Guinée, và ở quần đảo Aléoutiennes (Bắc Thái-bình-dương) để đợi lúc khởi đại-tấn-công.

Về phía Ấn-Độ cũng không có những trận lớn ngoài việc ném bom xuống vài tỉnh, Nhưng ở xứ này rất có thể xảy ra nội loạn nếu nhà cầm quyền không khéo dần sắp cho xong việc ông Gandhi tuyệt thực 21 ngày nay để phản kháng chính-phủ Anh.

KÍNH CÁO CÁC BẠN ĐỌC

Vì giá vật liệu và tiền in lên cao vọt hơn năm ngoái gấp bội nên bắt buộc chúng tôi phải tăng giá báo từ 0\$25 lên 0\$35, bắt đầu từ số này (3 th: 2\$00, 6 th: 3\$90 12 th: 7\$60. Xin các bạn đọc lượng thứ.

Với những bạn mua năm đã trả tiền rồi chúng tôi xin tính theo giá cũ còn các bạn chưa trả tiền xin tính trả ngay tiền những số đã gửi theo giá cũ và nhân thẻ gửi trả tiền mua hạn sau theo giá mới

2.— Ở Bắc Phi.

Mặt trận phía Tây Tunisie vẫn còn chưa quyết-định, tuy quân Đức-Y đã đánh lui quân-Mỹ và chiếm ở được vài thành ở Trung và Tây Nam (Sidi-Bon-Zid Gafsa, Sheitha). Mặt trận phía Đông quan trọng hơn: lộ-quân thứ tám của tướng Montgomery sau khi chiếm được Tripoli, thủ đô của xứ Lybie (22 Janvier) vẫn tiến về phía Tây tới cương giới Tripolitaine — Tunisie, và đến nay đã tới miền Đông Nam xứ Tunisie. Ở đây đạo quân của thống chế Rommel tìm cách liên lạc với quân Đức-Y ở Tunisie từ trước, trong khi quân của Montgomery cũng liên lạc với quân của tướng Mỹ Eisenhower tướng này được cử làm tổng tư lệnh quân đội. Anh Mỹ ở Bắc-Phi cùng tướng Anh, Alexander làm phó tư lệnh. Người ta đang sửa soạn một cuộc tấn-công lớn có tính cách quyết liệt trên một mặt trận rộng thêm ra vì sự hợp-nhất của mấy đạo quân.

3 — Nhưng ở Đông Âu.

Giờ quyết liệt đến rồi.

Khởi đầu bằng sự thắng - lợi ở phía Bắc: quân đội Nga bị vây trong thành Leningrad đã năm ngoài, ngày 20 Janvier đã phá vòng vây liên lạc được với quân ở mặt trận phía dưới (Volkov). Hồng-quân tấn-công ở khắp mặt đã tiếp tục thắng nhiều trận ở khu trung-ương và ở miền Nam (Caucase), lần lượt lấy lại những thành Vorochilovsk (21 - 1) Armavir, Voronej (24-1), khu dầu hỏa Maïkop (30-1). Riêng kinh thành Stalingrad bị quân Nga bao vây hơn một tháng giới, quân Đức kháng-cự một cách.

(Xem tiếp trang 31)

HỘP THƯ TRỊ SỰ

Trong thượng tuần tháng Mars, viên Thu - ngân của Toà báo sẽ đến thu tiền của các Bạn - đọc Hà-Nội mà hạn mua báo đã hết hay sắp hết. Xin các bạn sẵn sàng để trả giúp cho. Cả những bạn-đọc ở xa cũng xin kíp mua bưu-phiếu gửi ngay về. Hạn mua hết ngày nào, có ghi rõ ở ngoài giấy cuốn báo).

Qua tháng Avril, còn Bạn nào chưa trả tiền, chúng tôi sẽ đình gửi báo và nhờ sở Bưu-điện đòi tiền, — phí tổn về phần các bạn chịu. Sự này, các bạn hết sức tránh trước cho, — khỏi phiền lòng chúng tôi và tốn-phi cho các Bạn,

Ty Trị-sự Báo Thanh Nghị

Số 214 Hàng Bông — Hanoi

đọc sách mới

Giang San của Nguyễn-văn-Nhu—xuất bản ở Hà-nội tháng 12 năm 1942.

..

Quyền sách này không thuộc về loại nghệ-thuật văn chương và cũng không thuộc loại khảo-cứu. Vậy không thể

đứng về những phương diện ấy mà phê-bình được.

Nó chỉ là một đoạn tự-tình của một thanh-niên tân-học, với Giang-San Việt-Nam sau mười năm xa cách.

Với mọi giọng thông-thiết tác-giả giải bày tâm sự trên tám mươi trang. Tám mươi trang đầy một mối tình khăng-khít với quê-hương, chan chứa hi vọng với tương lai tổ-quốc.

Xin trích đăng mấy đoạn sau đây :

« Có khi ở chốn thư phòng tịch mịch một mình đốt một thanh-trầm, pha một ấm trà mạn sen nhà gửi sang cho. Ngồi uống nước tôi đưa mắt nhìn trên bản đồ thế giới treo ở trong phòng thì giải Đông Dương mềm mại xinh xắn như ăn như hiện trên bản đồ ở một góc trời Đông...khói trầm tỏa khắp gian phòng. Tôi quay ra uống chén trà, hương thơm trà được. Lòng tôi bát ngát lượng-tương ra Đông Dương ; một chốn thần tiên mọi vẻ mọi ưa.

Những lúc đó tôi muốn gửi tâm-hồn theo mây gió bay về cố-quốc »

« ... Đặt chân lên đất Đông Dương tôi rất lấy làm vui sướng, như con chim bấy lâu tha lạc, nay tìm được về tổ, riu rít bên tai những tiếng gọi đàn ..

Ở bến tàu tôi thấy một không khí đầm ấm như tất cả những người đứng trên bến đều là thân thích của tôi. »

« ... Về chốn gia-hương là nơi tôi sống cnộc đời thơ ấu cùng với cảnh thanh bần.

Bao nhiêu kỷ niệm êm đềm chan chứa lòng tôi, nên khi bước chân xuống xe hỏa tôi vui vẻ được nhìn lại cảnh cũ dấu xưa, được tái hợp với gia đình đầm ấm mà bao nhiêu năm ở chốn quê người tôi thấy bơ vơ quạnh hiu ».

« ... Về tới nhà những lúc mấy buổi sớm gió ban chiều dưới gốc thủy tùng, tôi ngồi thơ thẩn ..

Đoái trong bốn phương một màu mây trắng, nơi xa xăm như vắng vắng tiếng gọi của giang san.

Phải chăng cái mãnh lực thiêng liêng của sông núi đã làm cho tôi bằng khuâng ngao ngán, như quyến rũ lòng tôi.

Quê hương tôi nào có phải một vùng này ?

Gia-đình tôi nào có phải chỉ là cha mẹ anh em?

Bồn phận tôi nào có phải chỉ là thân hồn định tỉnh, ấp lạnh quạt nồng ?

Một tình thâm, một nghĩa rộng đã ăn sâu vào huyết mạch tôi. Cho nên những khi còn ở chốn quê ngời đất khách, tôi nhớ tới quê hương tôi tức là giang San đất Việt, tôi nhớ gia-đình tôi là toàn thể đồng bào... mà tôi nghĩ đến bồn phận tôi là phụng sự Quốc-gia.

Vậy thì trong bốn bức tường, sau lũy tre xanh dưới cây cù mộc chen chân quê hè chưa phải là cái gia-đình với quê-hương theo ý nghĩa của tôi. »

TAM SA NGU-PHỦ

Lê Văn Hựu *Lược-khảo Việt - Khảo Editions Alexandre de Rhodes*

..

Cuốn sách nhỏ của ô. Lê văn Hựu là bản-dịch một bài luận-văn được giải thưởng của báo *Patrie Annamite*, năm xưa. Đầu sách có tựa của ô. Phạm Quỳnh. Đó là một dịp để ông nguyên chủ - nhiệm báo Nam-Phong giải bày một lần nữa tấm lòng tha thiết « *thờ quốc văn* » và một lần nữa nhắc lại câu nói của mình. « *Truyện Kiều còn ... văn, văn* »

Sách của ô. Hựu có đủ đức-tính của một bài luận sơ-sài nhưng đầy đủ và rõ ràng. Trong ngót trăm trang giấy, ông đã khéo tóm-tắt được hết cả ý-kiến của thời đại chúng ta về Việt-Ngữ : nào vấn-đề cải cách chữ quốc-ngữ, nào vấn-đề dạy chữ Hán trong các trường học... Những lời bàn của ông, cũng như trong các bài luận khác, giữ mực tiết-trung không thái quá mà cũng không quá câu nệ. Tự-trung ông cũng có nhiều câu định - nghĩa đúng mực, nhiều khúc nhìn tinh tường. Tuy nhiên ta cũng phải công nhận rằng có nhiều vấn-đề, dịch các danh từ khoa học chẳng hạn, ý-kiến của ông dẫn-tiên thật đầy nhưng không phải là ý-kiến của người biết đến nơi đến chốn.

Cuốn *Lược-Khảo Việt - Ngữ* sẽ rất có ích cho độc giả muốn có một đôi chút ý-niệm về vấn-đề Việt-Ngữ chỉ tiếc rằng người ta không thấy rõ cách dàn xếp các chương sách của ông ra sao Hai chương nói về sự dạy chữ Hán trong các trường và việc lập một Quốc Gia - Văn - Học - Viện có lẽ nên đề sau những chương bàn về các vấn-đề có quan hệ đến Việt-ngữ hay những chương bàn về cách bồi - bổ cho quốc văn ngày thêm tinh tường. Sự thiếu mạch lạc đó lại cứ đứng về phương diện học-trò mà nói cũng là một lỗi lớn mà ban giám khảo cuộc thi xưa đã bỏ qua.

L. H. V.

Nên giúp hội Truyền Bá quốc-ngữ là hội dạy hết thầy người nghèo thất học biết đọc và biết viết chữ nước nhà:

VIỆC QUỐC TẾ

(Tiếp theo trang 99)

oanh liệt, đến ngày 1er Février thì kiệt lực, thống chế Đức Paulus bị bắt và hai tướng tử trận. Trong khi đó, ở vùng Caucase, Hồng quân sau khi chiếm được Maikop, tiến thẳng tới bờ biển Azov. (9-2) chiếm Krasnodar (13-2) và một mặt theo men bờ đánh lên, lấy quân cảng Kostov (15-2), một mặt tràn xuống bờ Hắc-hải hiện nay đánh tới thành Novorossisk, và nếu lấy lại được hết miền này, tất nhiên phải qua eo-biển Kertch uy hiếp bán đảo Crimée. Ở phía trên, Hồng quân tiến về phía tây chiếm thành Rourks (9-2), và đến ngày 17 Février thì đánh xuống tới thành Kharkov, lấy lại được sau những trận ác liệt vô cùng. Lấy được Kharkov tức là Hồng quân nắm trong tay chìa khóa miền Ukraine, một vựa thóc của Nga Xô Viết mất vào tay quân Đức từ trước mùa đông năm 1941. Hiện nay quân Nga đang tiến về phía sông Dniepr một mạch máu xuyên qua trung tâm đồng bằng Ukraine, và nếu Đức dựa vào sông đó mà không phản công giữ vững được thì có thể rất nguy hiểm, sau khi cả cánh đồng phi nhiều kia lại trở về tay chủ cũ.

..

Như vậy là cuộc chiến-tranh Âu-Phi tới thời-kỳ quyết định. Ta không lấy làm lạ khi quốc-trưởng Hitler triệu tập một hội nghị lớn giữa các lãnh tụ Đức và quốc xã để bàn thi hành một cuộc chiến - tranh triệt để vì «giờ

quyết liệt nhất của lịch sử nước Đức đã tới» (Ôi). Ta cũng không lạ khi thấy những cuộc vận động ngoại giao giữa Anh, Mỹ và Bồ đào-Nha, Tây-Ban-Nha, Thổ-nhĩ-Kỳ rất gặt gao và có những tin đồn vạch rõ thái độ của mấy nước này. Về phần Đông - Minh ta thấy nói những cuộc hội nghị quan trọng như ở Casa-blanca (Maroc, cuối Janvier) giữa thủ-tướng Churchill và quốc - trưởng Roosevelt để bàn kế hoạch tấn công ở Bắc Phi và Nam Âu, và nhất là một hội nghị vĩ đại sắp có ở Mỹ trong đó thông chế Nga Timochenko, Tưởng - giới - Thạch (?) và phu-nhân sẽ gặp Roosevelt và Churchill.

Đề kết luận, ta có thể mượn lời của bác-sĩ Goebbels, tổng trưởng bộ tuyên truyền Đức, đã tuyên bố ngày 19 Février (Berlin 19-2 transocéan): Mỗi ngày nay Đức mới lượng được sức mạnh bịnh-bị không tưởng tượng nổi của Nga, vì vậy người ta thấy cái nguy xich hóa uy hiếp Đức và Âu châu. Kết luận ông Goebbels hô hào quân dân Đức phải đem toàn lực chiến đấu họa may thoát khỏi vòng cương tỏa của Hồng Nga.

Viết ngày 21 Février 1943

ĐỖ ĐỨC DỤC

HỢP THƯ

Ông Nguyễn Tấn — Có nhận được bài. Xin cảm ơn. Rất tiếc không đăng được.

Ông Hương Minh. — Có nhận được bài. Xin cảm ơn đang xem.

Bà N. X. V. Saigon. — Đã có thư riêng cho ông T. V. T. Báo của bà đến số 38 hết hạn.

CÀI CHÍNH

Thanh-Nghị số xuân Quý-vị, Février 1943:

Bài « Người xuân » (thơ) của Nguyễn xuân Sanh, trang 19, cột thứ nhất, dòng 28, xin đọc:

Bước hương gieo nhẹ máu rừng non
dòng 33, xin đọc:

Nẻo trắng ru hồn—mai bước sương

Bài « Thơ và Nhạc đời » của Nguyễn xuân Sanh trang 30, cột hai dòng 14, xin đọc:

Thơ: Tư-tướng trong - lượt, cỡi-ủng, híp-nhàng.
(Chữ không phải là: Thơ. Tư tướng trong thơ v.v.)

Trang 30, dòng 43, xin đọc:

Thấy ướp đã lặng giữ bao nhiêu hương sắc và dĩ
thanh ái-cập.

Bài Hồn Dối, dòng 7: Em nhúng thân ngà, xin
đọc: Em nhúng chân ngà...

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được:

1-) *Thăng Kịch* của Nguyễn đức Quỳnh Hàn
Thuyền xuất bản giá 3\$50

2-) *Bach Tugel và 7 chú lùn*, chuyện cổ tích
Đức bằng thơ của Tú Mỡ Đời Nay xuất bản giá: 1\$80

3-) *Quê ngoại*, thơ của Hồ Dzếnh nhà in Á Châu
xuất bản giá: 3\$00

4-) *Sau lũy tre* của Trần Tiêu Đời Nay xuất bản
giá: 1\$20

5-) *Phụ nữ với hôn nhân*. Gina Lombroso dịch
giã Viên: đình. Đời mới xuất bản, giá 1\$00

6-) *Lược về tiếng Nam*, của Ngô quang Châu Đời
Mới xuất bản giá 0\$70.

Xin cảm ơn các nhà gửi tặng và giới thiệu với
các bạn đọc T. N.

HÀN THUYỀN XUẤT BẢN

SẮP PHÁT HÀNH:

THANH NIÊN và THỰC-NHIỆP

của LÊ VĂN SIÊU

Bản về cách chọn nghề của thanh niên và cách hoạt động về thực-nghiệp để hoạt động sự thành công

NHÂN LẠI TIẾN HÓA SỬ

của NGUYỄN BÁCH KHOA

Khảo về cuộc tiến hóa đồ sộ của loài người từ thượng cổ đến hiện đại

ĐÃ XUẤT BẢN:

THẮNG KINH

tiểu thuyết giáo dục của

NGUYỄN ĐỨC QUỲNH

Giá. 3\$50

NGUYỄN DU và TRUYỀN KIỆU

của

NGUYỄN BÁCH KHOA

Giá. 3\$50

VỎ-ĐỨC-DIÊN

ARCHITECTE D. P. G. L.

N° 3, Place Négrier — HANOI

TÉLÉPHONE : 77

HIỆU CẠO VÀ NHÀ TÂM

PHẠM NGỌC PHÚC

3 Richaud, Hanoi

(góc phố Hàng Bông và Phủ-doãn)

Chuyên môn ruộm tóc và uốn tóc bằng máy điện.

Lớn nhất và có tiếng là lịch sự nhất Hà-nội. Tiếp khách suốt ngày và lúc nào cũng có nước nóng.

BÁO THANH-NGHỊ

Trong số 1^{er} Mars 1943

THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THU NHẬP TÀI LIỆU ĐỂ GÓP VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.

- Chính thể tổng thống
- Tư bản Âu tây từ cuộc cách mệnh kinh tế ở thế-kỷ thứ 18
- Ngã ba hồi thứ hai
- Ba quyền tiểu thuyết Pháp hiện đại
- Đọc quê ngoại của Hồ Dzếnh
- Vấn đề giáo dục
- Một bài thơ Lô-Tấn : « Bóng từ giả người »
- Các lỗi hài hước của người Nam và cách « phản ngữ » trong văn chương
- Xã-hội Việt-Nam từ thế kỷ thứ 17
- Trò Lưu Bình Dương Lễ
- Ý kiến bạn đọc : Viễn phương
- Vấn đề giáo-dục vệ sinh

PHAN ANH
VŨ VĂN HIỀN
ĐOÀN PHÚ TÚ
LÊ HUY VÂN
DIỆU ANH
PHẠM LỢI
ĐẶNG THÁI MAI

VŨ BỘI LIÊU
NGUYỄN TRỌNG PHÁ
NG. X. KHOÁT SAO LUY
PHẠM CHÍ LƯƠNG
VŨ VĂN CẦN

Xin chú ý. — Tòa báo T. N. đã dọn lại 214 phố hàng Bông Hanoi

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1 Mai 1939 N° 3089